



# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 86 + 87

Ngày 01 tháng 6 năm 2023

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 19-5-2023- | Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. | 3  |
| 19-5-2023- | Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ban hành Quy định về giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.  | 7  |
| 19-5-2023- | Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.  | 18 |

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- 05-5-2023- Quyết định số 1717/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030. 22
- 05-5-2023- Quyết định số 1719/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025. 37
- 05-5-2023- Quyết định số 1760/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 49
- 08-5-2023- Quyết định số 1796/QĐ-UBND về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính trong lĩnh vực cán bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ. 63
- 09-5-2023- Quyết định số 1836/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp liên ngành triển khai thực hiện thí điểm “Mô hình một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”. 66

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và  
cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi  
hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo  
Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật  
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính  
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ  
về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5  
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật  
Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-

*CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Thực hiện Kết luận kiểm tra số 22/KL-KTrVB ngày 19 tháng 6 năm 2022 của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp đối với Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2291/TTr-STNMT-TTr ngày 24 tháng 3 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 221/BC-STP-KTrVB ngày 16 tháng 01 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:

### **"1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trong trường hợp các bên tranh chấp không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; quy định về trình tự, thủ tục cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

**"Điều 2. Cơ sở để xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp**

Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chỉ thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai mà đương sự không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và không có khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự".

**3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 4 như sau:**

"5. Đơn tranh chấp đất đai phải ghi rõ ngày, tháng, năm viết đơn, họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, giới tính của người đứng tên trong đơn; số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, nơi cấp, ngày, tháng, năm, cơ quan cấp, địa chỉ nơi cư trú của người đứng tên trong đơn; nội dung, lý do tranh chấp và yêu cầu của người viết đơn. Đơn phải do người tranh chấp ký tên hoặc điếm chỉ".

**4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19 như sau:**

"2. Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân là Chủ tịch Hội đồng; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố đối với khu vực đô thị; trưởng thôn, ấp đối với khu vực nông thôn; người có uy tín trong dòng họ, ở nơi sinh sống, nơi làm việc; người có trình độ pháp lý, có kiến thức xã hội; già làng, chức sắc tôn giáo, người biết rõ vụ, việc; đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại xã, phường, thị trấn biết rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đối với thửa đất đó; cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp xã, phường, thị trấn. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh".

**Điều 2. Bãi bỏ một số điều của Quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bãi bỏ khoản 2 Điều 16 của Quy định về giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng

chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2023.

2. Các nội dung khác vẫn thực hiện theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định giải quyết tranh chấp đất đai và cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Chánh Thanh tra Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bùi Xuân Cường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về giải quyết sự cố  
công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

*Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 16873/TTr-SXD-QLCLXD ngày 05 tháng 12 năm 2022, Báo cáo số 3835/BC-SXD-QLCLXD ngày 20 tháng 3 năm 2023 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5255/BC-STP-VB ngày 28 tháng 10 năm 2022 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1622/TTr-SNV ngày 10 tháng 04 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành văn bản**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2023.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về quy trình giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

### Về giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về giải quyết sự cố công trình xây dựng, bao gồm công trình chính, công trình phụ trợ, công trình tạm, công trình lân cận, kết cấu phụ trợ thi công, trừ các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh (thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

Các công tác khác liên quan đến giải quyết sự cố như cứu hộ, phòng cháy chữa cháy được thực hiện theo quy định riêng của các cơ quan chuyên ngành, không thuộc phạm vi của Quy định này.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, các chủ đầu tư, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình, nhà thầu (thiết kế, giám sát thi công, thi công, quản lý dự án, kiểm định...), các tổ chức và cá nhân có liên quan đến sự cố trong tất cả các hoạt động xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính Thành phố Hồ Chí Minh.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Sự cố công trình xây dựng (theo quy định tại khoản 34 Điều 3 Luật Xây dựng) là hư hỏng vượt quá giới hạn an toàn cho phép, làm cho công trình xây dựng

hoặc kết cấu phụ trợ thi công xây dựng công trình có nguy cơ sập đổ, đã sập đổ một phần hoặc toàn bộ trong quá trình thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình.

2. Công trình lân cận là các công trình ở gần vị trí xây dựng có sự cố hoặc công trình hiện hữu đang có sự cố, bị ảnh hưởng lún, biến dạng hoặc bị các hư hại khác do công trình có sự cố gây nên.

### **Điều 3. Cấp sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình**

Căn cứ Điều 43 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, quy định cấp sự cố được chia thành 03 cấp theo mức độ hư hại công trình hoặc thiệt hại về người, bao gồm sự cố cấp I, cấp II và cấp III như sau:

1. Sự cố cấp I bao gồm:

- a) Sự cố công trình xây dựng làm chết từ 06 người trở lên;
- b) Sự cố gây sập đổ công trình; sập đổ một phần công trình hoặc hư hỏng có nguy cơ gây sập đổ toàn bộ công trình cấp I trở lên.

2. Sự cố cấp II bao gồm:

- a) Sự cố công trình xây dựng làm chết từ 01 đến 05 người;
- b) Sự cố gây sập đổ công trình; sập đổ một phần công trình hoặc hư hỏng có nguy cơ gây sập đổ toàn bộ công trình cấp II, cấp III.

3. Sự cố cấp III bao gồm các sự cố còn lại ngoài các sự cố công trình xây dựng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 43 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.

### **Điều 4. Yêu cầu khi giải quyết sự cố công trình xây dựng**

1. Thực hiện các biện pháp phù hợp để nhanh chóng ngăn chặn, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm có thể tiếp tục xảy ra; đảm bảo an toàn cho cộng đồng, cho công trình; thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có liên quan.

2. Bảo vệ hiện trường, trừ trường hợp phải khắc phục khẩn cấp để ngăn chặn thiệt hại.

3. Phân cấp sự cố công trình ngay từ đầu để thực hiện đúng các quy định về báo cáo sự cố, xác định cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giám định nguyên nhân, chủ trì giải quyết sự cố.

4. Nhanh chóng xác định được nguyên nhân của sự cố, có biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, phòng ngừa sự cố khác xảy ra; khôi phục lại việc thi công cũng như khả năng sử dụng bình thường của công trình.

5. Chủ động, có tiến độ cụ thể cho từng bước trong công tác giải quyết sự cố.

6. Huy động được sự hỗ trợ tốt nhất từ các tổ chức, cá nhân của cộng đồng trong việc giải quyết sự cố.

7. Công trình có sự cố chỉ được thi công xây dựng hoặc tiếp tục vận hành, khai thác sử dụng khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết sự cố cho phép.

8. Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và chi phí cho việc khắc phục sự cố tùy theo tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của sự cố.

9. Tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm từ sự cố để phổ biến cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM GIÁM ĐỊNH NGUYÊN NHÂN, GIẢI QUYẾT SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

#### **Điều 5. Sở Xây dựng**

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố đối với sự cố cấp I của các công trình sau:

a) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng, dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng, dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.

b) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ trong đô thị (theo phân công cụ thể của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

c) Dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp khác.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố đối với sự cố cấp II, III của các công trình do Sở Xây dựng cấp phép, phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

#### **Điều 6. Sở Giao thông vận tải**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố đối với các sự cố cấp I của các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (trừ các công trình quy định tại Điều 5); sự cố cấp II, III của các công trình do Sở Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

#### **Điều 7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố đối với các sự cố cấp I của các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; sự cố cấp II, III của các công trình do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

#### **Điều 8. Sở Công Thương**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố đối với các sự cố cấp I của các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trừ các công trình quy định tại Điều 5); sự cố cấp II, III của các công trình do Sở Công Thương phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

#### **Điều 9. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện**

Chủ trì thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố đối với các sự cố cấp II, III của các công trình xây dựng trên địa bàn do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn cấp phép xây dựng hoặc phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (trừ sự cố của các công trình tại Điều 10).

#### **Điều 10. Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố đối với các sự cố cấp II, III của các công trình được đầu tư xây dựng trên địa bàn được giao quản lý do Ban phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc cấp giấy phép xây dựng hoặc công trình thuộc trường hợp miễn giấy phép xây dựng do Ban phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 theo thẩm quyền.

### **Chương III**

## **TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT SỰ CỐ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

### **Điều 11. Báo cáo và tiếp nhận báo cáo sự cố công trình xây dựng**

1. Khi sự cố xảy ra, chủ đầu tư hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải thực hiện những việc sau:

a) Ngừng thi công, ngừng sử dụng công trình hoặc hạng mục công trình có sự cố; bằng phương pháp nhanh nhất báo cáo tóm tắt về sự cố cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để tiếp cận, hỗ trợ.

b) Khẩn trương thực hiện các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa sự cố gây ra thiệt hại tiếp theo.

c) Thực hiện các biện pháp kịp thời để tìm kiếm, cứu hộ, bảo đảm an toàn cho người và tài sản, hạn chế và ngăn ngừa các nguy hiểm tiếp tục xảy ra; tổ chức bảo vệ hiện trường sự cố; ghi nhận lại hiện trường sự cố, quay phim, chụp ảnh và thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều này.

#### **2. Báo cáo sự cố**

a) Ngay sau khi xảy ra sự cố, bằng biện pháp nhanh nhất chủ đầu tư hoặc người quản lý, sử dụng công trình phải thông báo về sự cố bao gồm thông tin về tên và vị trí xây dựng công trình, thông tin về giấy phép xây dựng hoặc quyết định phê duyệt dự án (cơ quan cấp phép, phê duyệt dự án, quy mô công trình), sơ bộ về sự cố và thiệt hại (nếu có) cho ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi xảy ra sự cố và cơ quan cấp trên của mình (nếu có).

Ngay sau khi nhận được thông tin, ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn căn cứ vào giấy phép xây dựng hoặc quyết định phê duyệt dự án hoặc quy mô công trình, xác định cấp sự cố công trình theo Điều 3, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền theo quy

định tại Chương II. Đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện để theo dõi, phối hợp giải quyết.

Báo cáo bao gồm các nội dung chủ yếu sau: tên công trình, vị trí xây dựng, quy mô công trình, pháp lý xây dựng (giấy phép xây dựng hoặc quyết định phê duyệt dự án); thông tin về các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình; cấp sự cố xây dựng; mô tả về sự cố, tình trạng công trình xây dựng khi xảy ra sự cố, thời điểm xảy ra sự cố; thiệt hại về người và tài sản (nếu có).

b) Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố, chủ đầu tư hoặc người quản lý, sử dụng công trình báo cáo về sự cố bằng văn bản tới cơ quan có trách nhiệm nêu tại Chương II và cho Sở Xây dựng. Nội dung báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.

Đối với sự cố có thiệt hại về người thì chủ đầu tư hoặc người quản lý, sử dụng công trình còn phải gửi báo cáo cho Bộ Xây dựng và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Đối với các sự cố công trình đi qua địa bàn 02 tỉnh trở lên, sau khi nhận được báo cáo bằng văn bản hoặc nhận được thông tin về sự cố, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành lập báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố, gửi báo cáo sự cố cho Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

### 3. Kiểm tra sau khi tiếp nhận báo cáo sự cố

a) Ngay sau khi nhận được thông tin, ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn hỗ trợ các bên có liên quan tổ chức lực lượng tìm kiếm cứu hộ, bảo vệ hiện trường sự cố và báo cáo sự cố theo khoản 2 Điều này.

b) Trong vòng 24 giờ từ khi nhận được báo cáo sự cố từ ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm quy định tại Chương II phối hợp ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiến hành kiểm tra hiện trường. Các bên tham gia kiểm tra lập biên bản kiểm tra hiện trường sự cố theo Điều 47 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.

c) Cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm quy định tại Chương II thực hiện:

Xem xét, quyết định dừng, tạm dừng thi công hoặc khai thác sử dụng đối với hạng mục công trình, một phần hoặc toàn bộ công trình tùy theo tính chất, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của sự cố;

Xem xét, quyết định việc phá dỡ, thu dọn hiện trường sự cố trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu sau: đảm bảo an toàn cho người, tài sản, công trình và các công trình lân cận; hiện trường sự cố phải được các bên liên quan chụp ảnh, quay phim, thu thập chứng cứ, ghi chép các tư liệu cần thiết phục vụ công tác giám định nguyên nhân sự cố và lập hồ sơ sự cố trước khi phá dỡ, thu dọn;

Khi xét thấy việc thi công hoàn chỉnh các cấu kiện, bộ phận, hạng mục công trình có tác dụng ngăn ngừa sự cố tiếp diễn hoặc xảy ra sự cố khác, chủ đầu tư đề xuất cơ quan có trách nhiệm (quy định tại Chương II) chấp thuận cho thực hiện.

## **Điều 12. Giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố**

1. Đối với sự cố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (*Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương*), Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao:

a) Cơ quan có trách nhiệm quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 10 Chương II tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Tổ điều tra sự cố và tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố công trình.

Tổ điều tra sự cố bao gồm đại diện các đơn vị của cơ quan chủ trì giải quyết sự cố, các cơ quan có liên quan và các chuyên gia về những chuyên ngành kỹ thuật liên quan đến sự cố. Trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố chỉ định tổ chức kiểm định thực hiện giám định chất lượng công trình phục vụ đánh giá nguyên nhân sự cố và đưa ra giải pháp khắc phục.

b) Cơ quan có trách nhiệm quy định tại Điều 5, 6, 7, 8, 10 Chương II tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố, trình kết quả cho Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành. Công tác giám định nguyên nhân sự cố gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ và Điều 06 Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Đối với sự cố thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

a) Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện thành lập Tổ điều tra sự cố và tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân, giải quyết sự cố

công trình đối với sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn theo thẩm quyền. Thành phần Tổ điều tra sự cố tương tự quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ trì tổ chức giám định nguyên nhân sự cố, thông báo kết quả giám định nguyên nhân sự cố cho chủ đầu tư, các chủ thể khác có liên quan; các yêu cầu đối với chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc các bên có liên quan phải thực hiện để khắc phục sự cố. Công tác giám định nguyên nhân sự cố gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 06 Thông tư số 10/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Đối với các công trình hiện hữu không có cơ sở để xác định được cấp công trình (không có quyết định phê duyệt dự án, giấy phép xây dựng hoặc tại thời điểm xây dựng không có quy định pháp luật xác định cấp công trình), khi xảy ra sự cố, người quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm xác định loại công trình, báo cáo Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo thẩm quyền quản lý, theo các nội dung tại Điều 11.

Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này để giải quyết sự cố.

4. Chi phí tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.

### **Điều 13. Báo cáo kết quả khắc phục sự cố**

Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình lập báo cáo kết quả khắc phục sự cố gửi cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm (theo Chương II). Báo cáo nêu rõ kết quả thực hiện những yêu cầu để khắc phục sự cố trong thông báo kết luận giám định nguyên nhân sự cố.

Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình lập hồ sơ sự cố bao gồm các nội dung sau:

1. Biên bản kiểm tra hiện trường sự cố với các nội dung theo Điều 47 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ.

2. Các tài liệu về thiết kế và thi công xây dựng công trình liên quan đến sự cố.

3. Hồ sơ giám định nguyên nhân sự cố.



4. Các tài liệu liên quan đến quá trình giải quyết sự cố.

#### **Điều 14. Cho phép tiếp tục thi công công trình**

Sau khi chủ đầu tư thực hiện xong những yêu cầu để khắc phục sự cố trong thông báo kết luận giám định nguyên nhân sự cố, cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tại Chương II sẽ quyết định việc cho phép chủ đầu tư được tiếp tục thi công một phần hay toàn bộ công trình.

### **Chương IV**

#### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15.** Chủ đầu tư, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

**Điều 16.** Giao Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối kiểm tra việc tuân thủ Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hay cần thiết phải thay đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế, giao Sở Xây dựng tổng hợp ý kiến các đơn vị liên quan và đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc tự ban hành văn bản hướng dẫn nếu thuộc thẩm quyền giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2023/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 16 tháng 12 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về Tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3677/TTr-SKHĐT-THQH ngày 10 tháng 4 năm 2023, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1245/BC-STP ngày 24 tháng 3 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện các chương trình, dự án đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Đối với các chương trình, dự án thuộc nhiều lĩnh vực và các dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công ngân sách Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho cơ quan chuyên môn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện để lập hồ sơ, trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đối với chương trình, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Thành phố có cấu phần xây dựng, trừ các dự án được quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này: Các cơ quan được quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021; đồng thời, thẩm định Báo cáo chuyên môn xây dựng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc ngân sách Thành phố không có cấu phần xây dựng, trừ các dự án được quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin, trừ chương trình, dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, trừ chương trình, dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông và Hội đồng thẩm định các chương trình, dự án đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Đối với chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các dự án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền tại khoản 1a Điều 12: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 39, 40 Luật Đầu tư công”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 12 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 như sau:

“1a. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư công nhóm C trước đây sử dụng nguồn vốn ngân sách quận hoặc sử dụng vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh cho ngân sách quận (trừ dự án nêu tại điểm a khoản 1 Điều này).

Thời hạn ủy quyền kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Chấm dứt các nội dung ủy quyền khác trái với quy định tại Khoản này kể từ ngày ban hành Quy định này”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Người đứng đầu các cơ quan được ủy quyền tại khoản 1, khoản 1a Điều này thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của “Người có thẩm quyền quyết định đầu tư” được nêu tại Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng và các quy định có liên quan”.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2023.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Trưởng Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Thủ trưởng các Sở Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức, Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty Nhà nước trực thuộc Thành phố quản lý và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1717/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 7428/TTr-SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển thị

trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả,  
bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030**

*(Kèm theo Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Quán triệt quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập tại các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội; thực hiện phát triển thị trường lao động toàn diện, bền vững theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững đáp ứng yêu cầu phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

- Triển khai các giải pháp đột phá về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao sẵn sàng cho nhu cầu của xã hội và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Điều tiết phân bổ hợp lý, khai thác và sử dụng tối ưu nguồn lao động, quan tâm hỗ trợ đối tượng yếu thế tham gia vào thị trường lao động; linh hoạt động kết nối cung - cầu lao động, duy trì việc làm hoặc chuyển đổi nghề, thích ứng với tình hình sau đại dịch.

#### **2. Yêu cầu**

- Đảm bảo an sinh xã hội toàn diện, bao trùm để người lao động yên tâm làm việc, tăng thu nhập, bảo đảm cuộc sống. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nguồn nhân lực và tổ chức vận hành các yếu tố của thị trường lao động để có sự đột phá trong công tác quản lý nhà nước và hoạt động của thị trường lao động.



- Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; tăng cơ hội việc làm có chất lượng và bền vững cho người lao động, giảm thiểu thất nghiệp, phục hồi và duy trì hoạt động sản xuất - kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát:

Thị trường lao động phát triển linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Trong đó, các yếu tố của thị trường lao động được phát triển đồng bộ và hiện đại; chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả tổ chức, vận hành thị trường lao động được nâng cao. Thị trường lao động đóng vai trò chủ động trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng hiện đại, đảm bảo kết nối thị trường lao động trong nước với thị trường lao động của các nước trong khu vực và trên thế giới.

### 2. Mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 87% vào năm 2025 và đạt 89% vào năm 2030.

- Phần đầu duy trì tỷ lệ thất nghiệp đô thị dưới 4% vào năm 2025 và đạt dưới 3% vào năm 2030; tỷ lệ thất nghiệp thanh niên thành thị ở mức thấp dưới 4%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội hàng năm đạt 7%/năm.

- Chỉ số Lao động có kiến thức chuyên môn trong Chỉ số đổi mới, sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 60 nước đứng đầu.

- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 57% vào năm 2025 và đạt 62% năm 2030; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia bảo hiểm xã hội đạt mức 85%.

- Đầu tư, phát triển giao dịch việc làm, hệ thống thông tin thị trường lao động hiện đại, đồng bộ, thống nhất và có sự liên thông giữa các hệ thống thông tin, cụ thể:

+ Năm 2025: có 85% và năm 2030 có trên 95% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông được hướng nghiệp.

+ Năm 2025: có 45% và năm 2030 có 50% lao động được hệ thống Trung

tâm Dịch vụ việc làm tư vấn, giới thiệu có việc làm.

+ Đến năm 2025, hoàn thành việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các phần mềm ứng dụng, hệ thống kết nối, chia sẻ tích hợp dữ liệu và thực hiện chuyển đổi, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về lao động. Từ năm 2026, đưa cơ sở dữ liệu quốc gia về lao động vào quản lý và khai thác sử dụng, kết nối chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia khác. Đến năm 2030, hệ thống thông tin thị trường lao động được hiện đại hóa, dữ liệu được liên thông.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Rà soát, đề xuất hoàn thiện khung pháp lý các quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường lao động**

- Nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi các chính sách để hạn chế thất nghiệp, nâng cao chất lượng lao động, thu hút người lao động tham gia làm việc trong khu vực chính thức để đảm bảo việc thực thi đầy đủ các chế độ, chính sách và quyền lợi cho người lao động.

- Đề xuất ban hành các quy định đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo, cung ứng nguồn nhân lực, quản trị, vận hành thị trường lao động và tháo gỡ khó khăn để tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận thông tin về thị trường lao động, tham gia học nghề và các hoạt động giao dịch việc làm, người sử dụng lao động dễ tiếp cận cung lao động.

- Đề xuất quy định các chuẩn chuyên môn và điều kiện đảm bảo triển khai hiệu quả hoạt động đào tạo nghề tại doanh nghiệp.

- Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm để phát triển thị trường lao động ở nông thôn phục vụ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### **2. Phục hồi và ổn định thị trường lao động**

##### **2.1. Phát triển cung - cầu lao động**

- Cung cấp các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề trước khi đi làm cho sinh viên mới tốt nghiệp; các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng cho lao động trong quá trình làm việc phù hợp với tính chất đặc thù của từng đối tượng lao động. Khuyến khích người sử dụng lao động tham gia vào quá trình giáo dục đào tạo,

giáo dục nghề nghiệp.

- Thiết kế các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lao động dựa trên các tiêu chuẩn kỹ năng nghề, ứng dụng khoa học công nghệ số; nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề cho các nhóm lao động đặc thù. Khuyến khích tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số ngắn hạn theo hình thức thường xuyên, linh hoạt cho người lao động.

- Khuyến khích doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp tham gia vào quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

- Nghiên cứu xây dựng chính sách thu hút nhân tài, trong đó chú trọng chính sách về nhà ở, lương thưởng, điều kiện sinh hoạt, làm việc nhằm thu hút và giữ chân các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có trình độ cao.

**2.2.** Rà soát, đánh giá, sắp xếp tổ chức, đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề. Phát triển các cơ sở đào tạo chất lượng cao, đào tạo các ngành nghề mới, kỹ năng tương lai, tổ chức đào tạo và nhân rộng các chương trình đào tạo chuyên giao từ các nước phát triển.

**2.3.** Rà soát, đánh giá nhu cầu nhân lực theo từng ngành, lĩnh vực, từng vùng để kịp thời kết nối, cung ứng lao động. Tổ chức thực hiện các biện pháp để giải quyết tình trạng thiếu lao động cục bộ, mất cân đối cung - cầu lao động; phát triển các hình thức giao dịch việc làm theo hướng hiện đại trên nền tảng công nghệ số; thu hút lao động tại chỗ, đào tạo, đào tạo lại cho lực lượng lao động đang làm việc thích ứng với những biến động bất thường.

### **3. Thúc đẩy tạo việc làm bền vững và sử dụng hiệu quả lực lượng lao động**

#### ***3.1. Tăng cường đầu tư, phát triển các ngành kinh tế tạo nhiều việc làm bền vững***

- Đầu tư nguồn lực cho các chương trình, đề án tạo nhiều việc làm bền vững, nhất là việc làm năng suất cao; đề xuất các chính sách để hỗ trợ tuyển dụng và sử dụng các nhóm lao động đặc thù, lao động yếu thế, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia thị trường lao động, có việc làm bền vững. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để tăng hiệu quả đào tạo nghề, tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình

nguyện hoàn thành nhiệm vụ.

- Tăng cường các nguồn tín dụng để thúc đẩy tạo việc làm mới, sáng tạo, chất lượng cao, bền vững; việc làm xanh; việc làm cho đối tượng yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số; triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động, góp phần phát triển thị trường lao động bền vững.

- Có chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình đăng ký thành lập và hoạt động dưới hình thức doanh nghiệp để thu hút, sử dụng lao động chính thức, chuyển dần lao động phi chính thức sang lao động chính thức.

### ***3.2. Thực hiện các giải pháp để phân luồng, nâng cao chất lượng nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động***

- Tiếp tục triển khai hiệu quả việc phân luồng, liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân nhằm thúc đẩy xã hội học tập, học tập suốt đời trong cộng đồng; đầu tư cho đào tạo nâng cao tay nghề, kỹ năng nghề phù hợp với tính chất đặc thù của từng đối tượng lao động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công nhận kỹ năng nghề cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp.

- Đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện bảo đảm chất lượng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 và G20. Thí điểm, triển khai một số mô hình đào tạo mới, nhất là đào tạo những ngành, nghề đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; khắc phục khó khăn, vướng mắc, hoàn thành việc thí điểm đào tạo; đẩy mạnh nhân rộng các chương trình chuyển giao hiệu quả từ các nước phát triển; triển khai hiệu quả mô hình đào tạo tại doanh nghiệp. Khuyến khích người sử dụng lao động tham gia vào quá trình giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

- Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ; lựa chọn các ngành, nghề trọng điểm và trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm phù hợp với từng thời kỳ; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hệ thống giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp nhằm triển khai các hoạt động đào tạo trên môi trường số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đa dạng hóa phương thức tổ chức quá trình dạy học.

### ***3.3. Tổ chức đào tạo, cung ứng kịp thời nhân lực cho các doanh nghiệp, khắc phục tình trạng thiếu hụt lao động cục bộ***

- Tập trung đào tạo nghề nghiệp cho người lao động tham gia thị trường lao động về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ của lao động trong các doanh nghiệp, nhất là các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ và đào tạo các chuyên ngành mới trong chuyên đổi số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), chuỗi khối (Blockchain),...

- Tổ chức thực hiện các giải pháp phù hợp để phân luồng học sinh, sinh viên, hướng tới phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao và cơ cấu phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, khu vực và cả nước. Triển khai các chương trình đào tạo về tác phong, kỷ luật, tâm lý người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

- Thiết lập mạng lưới thông tin của những người lao động đi làm việc ở nước ngoài trở về để thu hút vào làm việc cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Thành phố nhằm tiếp tục phát huy kỹ năng, tay nghề, ngoại ngữ của người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài.

### ***3.4. Đầu tư phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động***

- Tổ chức thu thập, cập nhật, dữ liệu về lao động có sự kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội để quản trị được tình trạng lao động, việc làm của người lao động từ khi bắt đầu tham gia thị trường lao động, làm cơ sở xây dựng và tổ chức triển khai các chính sách về lao động, việc làm, an sinh xã hội.

- Thiết lập hệ thống thông tin và dự báo thị trường lao động theo ngành nghề, cấp trình độ phục vụ người lao động, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách lao động - việc làm, giáo dục, đào tạo. Xây dựng các sản phẩm dự báo nhu cầu sử dụng lao động, nhu cầu đào tạo về số lượng, cơ cấu ngành nghề, trình độ của lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, đặc biệt nhu cầu trong các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ, ngành nghề mới, các kỹ năng tương lai.

- Phát triển mạng lưới cơ sở dịch vụ việc làm phù hợp với thị trường lao động của Thành phố. Xây dựng công cụ theo dõi, quản lý chung trên địa bàn Thành phố về dịch vụ việc làm. Rà soát, đánh giá cơ sở vật chất hiện có của trung tâm dịch vụ việc làm công lập nhằm xác định nhu cầu đầu tư đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện kết nối cung - cầu lao động chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả.

#### **4. Hỗ trợ phát triển lưới an sinh và bảo hiểm cho người lao động**

- Tổ chức cung cấp thông tin và dịch vụ tư vấn pháp lý cho người lao động khi tham gia thị trường lao động.

- Thúc đẩy và phát huy vai trò trung tâm của tổ chức Công đoàn, thu hút người lao động và tổ chức của người lao động gia nhập Công đoàn Việt Nam, phát triển thành viên, nâng cao hiệu quả công tác đối thoại, thương lượng bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

- Tổ chức thực hiện các giải pháp để thu hút, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... cho người lao động nhằm bảo đảm đời sống của người dân và duy trì sản xuất; thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng tăng cường đào tạo và đào tạo lại cho người lao động để tham gia hiệu quả vào thị trường lao động.

- Nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động; đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động; trước mắt tập trung phát triển nhà ở xã hội, nhà ở và hạ tầng xã hội khác cho người lao động, chính sách hỗ trợ tín dụng để giải quyết vấn đề về chỗ ở cho người lao động.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chế tài xử lý đối với những hành vi vi phạm quy định pháp luật về lao động, đặc biệt về giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội và các chế độ an sinh xã hội khác cho người lao động.

#### **5. Công tác truyền thông**

- Nâng cao nhận thức, nhất là người đứng đầu sở, ngành, địa phương, đơn vị về vai trò, tầm quan trọng phát triển thị trường lao động; chủ động có giải pháp hiệu quả để đảm bảo và phát triển thị trường lao động bền vững.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền kịp thời, liên tục, nâng cao nhận thức của người lao động, người sử dụng lao động và các chủ thể tham gia thị trường lao động; đảm bảo ổn định và phát triển thị trường lao động.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về pháp luật lao động, quan hệ lao động và trách nhiệm, lợi ích của các đối tác xã hội trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất và tính cạnh tranh của nền kinh tế.

- Định hướng cho các cơ quan thông tấn báo chí về chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, phản bác các thông tin xấu độc không đúng

đẫn, sai với chủ trương, đường lối chính sách.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

##### **1. Kinh phí thực hiện**

- Từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước.

- Kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án, đề án liên quan khác.

- Đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

**2.** Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao hằng năm đề xuất bố trí kinh phí cho các hoạt động phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thu thập, cập nhật và quản lý di biến động lao động trên địa bàn Thành phố; đầu tư nghiên cứu xây dựng, thường xuyên phân tích và công bố dự báo thị trường lao động theo ngành, nghề trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, làm cơ sở xây dựng và tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các chính sách về lao động - việc làm, an sinh xã hội, cung cấp thông tin thị trường lao động cho người lao động, người sử dụng lao động, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

- Thực hiện các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực; đề xuất thí điểm và triển khai hiệu quả mô hình đào tạo tại doanh nghiệp; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên để nâng cao trình độ kỹ năng nghề, duy trì việc làm cho người lao động.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số để tăng cường kết nối cung - cầu lao động qua nền tảng số.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật về lao

động, việc làm, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, giáo dục nghề nghiệp, đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của lao động.

- Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các sở, ban, ngành Thành phố, quận, huyện, thành phố Thủ Đức; tham mưu sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch; tổng hợp báo cáo trình Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

## **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Tổ chức thực hiện phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông theo Quyết định số 522/QĐ- TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”.

- Chỉ đạo ngành giáo dục các cấp: hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ trì tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo hướng đẩy mạnh phân luồng và đảm bảo quyền lợi của học sinh vừa được học nghề, vừa được học văn hóa ngay tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thực hiện tham gia bảo hiểm y tế học sinh sinh viên đúng quy định, đảm bảo 100% học sinh sinh viên có thẻ bảo hiểm y tế.

- Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, giải pháp nâng cao kỹ năng của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp đặc biệt là các kỹ năng đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực của thị trường lao động theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, tổng hợp, đề xuất khả năng cân đối nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm của Thành phố cho các dự án để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công, phù hợp với khả năng cân đối vốn của Thành phố.

- Đề xuất các giải pháp, chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ kinh chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, thúc đẩy dịch chuyển lao động sang khu vực chính thức.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, tạo thêm nhiều việc làm cho lao động.



#### **4. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin chủ động, kịp thời cung cấp thông tin về lao động, việc làm, giáo dục, đào tạo; tạo sự quan tâm, đồng thuận và huy động toàn xã hội tích cực tham gia công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cung cấp thông tin cung - cầu lao động và hỗ trợ phát triển thị trường lao động.

#### **5. Sở Tài chính**

Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức để thực hiện các Chương trình, dự án trong lĩnh vực lao động, việc làm, phát triển nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

#### **6. Sở Xây dựng**

- Rà soát chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo chung cư cũ có nhu cầu vay vốn được hỗ trợ lãi suất cho vay theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình; báo cáo Bộ Xây dựng tình hình pháp lý dự án và nhu cầu vay vốn để Bộ Xây dựng tổng hợp danh sách gửi cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức cấp giấy phép xây dựng công trình nhà trọ đảm bảo tiêu chuẩn nhà ở. Kịp thời tháo gỡ các vướng mắc khi doanh nghiệp, người dân thực hiện thủ tục đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo sửa chữa khu nhà trọ, phòng trọ

#### **7. Bảo hiểm xã hội Thành phố**

- Phối hợp với các cơ quan liên quan, các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

- Cập nhật thông tin, dữ liệu đối với nhóm người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội (bao gồm các trường hợp đang làm việc và trước khi nghỉ việc dừng đóng bảo hiểm xã hội) và chia sẻ thông tin để thực hiện việc hỗ trợ kịp thời cho người lao động khi triển khai các chính sách có liên quan trên nguyên tắc xác định đúng đối tượng, bảo đảm không trùng lặp.

## **8. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố**

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi theo quy định của Chính phủ và Thành phố đối với người lao động và các đối tượng chính sách có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn, góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

## **9. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức**

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tại địa phương; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến hỗ trợ phát triển thị trường lao động, giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực; chủ động nắm bắt diễn biến tình hình lao động, việc làm, chất lượng nhân lực thuộc phạm vi quản lý, kịp thời phối hợp với các sở, ngành có liên quan để triển khai thực hiện các chính sách, giải pháp nhằm thúc đẩy thị trường lao động phát triển hiệu quả, bền vững và hội nhập.

- Tăng cường quản lý nhà nước về lao động, việc làm tại địa bàn quản lý; thường xuyên nắm bắt thực tiễn để điều chỉnh các biện pháp giải quyết việc làm phù hợp với từng thời điểm.

- Triển khai thu thập thông tin cung - cầu lao động; nắm bắt nhu cầu lao động tại các doanh nghiệp tại địa bàn quản lý để chủ động trong việc kết nối nguồn lao động có nhu cầu tham gia hoạt động kinh tế tại địa phương.

- Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chính sách tạo việc làm, hỗ trợ tạo việc làm để người lao động hiểu rõ.

## **10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố**

Phối hợp các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội về thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến các quy định pháp luật về phát triển thị trường lao động.

## **11. Đề nghị Liên đoàn Lao động Thành phố**

- Chỉ đạo các cấp công đoàn, nhất là công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp nâng cao hiệu quả các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng thương lượng, đối thoại cho cán bộ công đoàn cơ sở góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

- Triển khai hiệu quả phong trào thi đua học tập, rèn luyện nâng cao trình độ

kỹ năng nghề, học tập suốt đời trong công nhân lao động.

- Tiếp tục chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên, người lao động, đặc biệt đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, dân tộc thiểu số.

## **12. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Thành phố, Thành Đoàn Thành phố, Hội Nông dân Thành phố, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam Thành phố**

- Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động và thị trường lao động đến các thành viên của tổ chức.

- Theo dõi, quản lý và hỗ trợ kịp thời thành viên của tổ chức khi tham gia thị trường lao động, tham gia đào tạo và nâng cao trình độ, tay nghề.

- Phối hợp tổ chức đào tạo nghề lao động nông nghiệp ngắn hạn sơ cấp dưới 3 tháng cho lao động nông thôn theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

- Phát huy hiệu quả các đơn vị sự nghiệp trực thuộc có chức năng gắn với việc đào tạo, giới thiệu việc làm trong các hoạt động tư vấn, hỗ trợ học nghề, đào tạo nghề, tiếp tục duy trì các ngày hội việc làm, sàn giao dịch việc làm, kết nối doanh nghiệp, kết nối nguồn lao động có nhu cầu tham gia đào tạo, tuyển dụng đến các doanh nghiệp.

## **13. Đề nghị Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

- Ghi nhận, tổng hợp gửi các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch thông tin, tuyên truyền, vận động doanh nghiệp chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về lao động, việc làm; quan tâm đào tạo, đào tạo lại để nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động; tăng cường thương lượng, đối thoại giữa các bên trong quan hệ lao động; cung cấp thông tin kế hoạch tuyển dụng cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm cơ sở kết nối cung - cầu lao động.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố về phát triển thị

trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố đến năm 2030, yêu cầu các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã được phân công trong Kế hoạch; báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, tổng hợp. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, ngành, địa phương kịp thời báo cáo thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1719/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp  
cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh  
giai đoạn 2022 - 2025**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3685/QĐ-BNN-KTHT ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 788/SNN-PTNT ngày 04 tháng 4 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Hội Nông dân Thành phố, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

### **Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

## **I. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Hỗ trợ đào tạo hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp để họ trở thành lực lượng chính trong quá trình phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng lực lượng lao động nông thôn có kiến thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội mới. Đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề và hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

- Góp phần nâng tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo trên 85%, tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm còn khoảng 20%; thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020. Tập trung đào tạo cho lao động nông thôn để thực hiện hiệu quả tiêu chí về lao động trong Bộ tiêu chí nông thôn mới và các hợp phần của các chương trình giai đoạn 2021-2025 (hợp phần du lịch nông nghiệp, nông thôn, OCOP, chuyển đổi số và phát triển kinh tế nông thôn...); đào tạo nhằm an sinh xã hội và phát triển kinh tế xã hội vùng nông thôn và khu vực ven đô Thành phố; đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và chuyển đổi số trong nông nghiệp; đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; chuyển một bộ phận lao động nông thôn sang làm nông nghiệp dịch vụ, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu, đem lại thêm công ăn việc làm, tạo chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân lao động nông nghiệp.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Đào tạo nghề cho 9.336 lao động nông thôn làm nông nghiệp đáp ứng nhu cầu lao động cho các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố, trong đó tập trung đào tạo để nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo trình độ dưới 3 tháng). Cụ thể:

+ Đào tạo 15 người nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các hợp tác xã nông nghiệp để đảm bảo mục tiêu “80% giám đốc hợp tác xã được đào tạo sơ cấp nghề” theo Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đào tạo nghề nông nghiệp cho 9.321 lao động nông thôn, sau khi học xong ít nhất 85% lao động có việc làm ổn định và tăng thu nhập.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người tham gia công tác quản lý, giảng dạy nghề nông nghiệp.

## II. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

**1. Chỉ tiêu đào tạo:** 9.336 lao động nông thôn trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng (Chi tiết tại phụ lục I và II đính kèm), trong đó:

- Giao chỉ tiêu đào tạo cho các quận - huyện và thành phố Thủ Đức tổ chức thực hiện: 4.861 người.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức đào tạo: 4.460 người.

- Đặt hàng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 15 người.

### 2. Kinh phí thực hiện

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên (ngân sách Thành phố, quận, huyện đảm bảo trong dự toán được giao hàng năm của các sở, ngành, đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch này). Kinh phí lồng ghép trong chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Kế hoạch này theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước (Chính sách hỗ trợ theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2022-BTC ngày 4 tháng 3 năm 2022, Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 tháng 2022, Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính; Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 6 tháng 9 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh



và Xã hội; Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

- Đóng góp, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nguồn hợp pháp khác.

- Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan lập dự toán ngân sách hằng năm để thực hiện chương trình theo Kế hoạch này và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

### **3. Định hướng ngành nghề đào tạo**

- Đào tạo các nghề để thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia; các chương trình, đề án mà ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì như: (1) Bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 7 tháng 7 năm 2022; (2) Chương trình mỗi xã một sản phẩm tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022; (3) Phát triển du lịch nông thôn tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022; (4) Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 - 2030 theo Quyết định số 855/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình Phát triển giống cây, con và nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025 tại Kế hoạch số 3931/KH-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Chương trình khuyến nông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2022 - 2025 tại Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Đề án Phát triển hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 4007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố và các chương trình, đề án trọng tâm khác của ngành.

- Đào tạo nghề “Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp” cho các hợp tác xã nông nghiệp để đảm bảo mục tiêu “80% giám đốc hợp tác xã được đào tạo sơ cấp nghề” theo Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đào tạo nâng cao giá trị các sản phẩm chủ lực, phát triển sản phẩm OCOP, các sản phẩm mang đậm bản sắc dân tộc vùng miền, gắn với du lịch nông nghiệp nông thôn. Đào tạo cho người lao động biết ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng các quy trình sản xuất tốt, tiên tiến, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, an toàn, thích ứng với

biến đổi khí hậu; đào tạo nâng cao kỹ năng về quản lý, quản trị marketing, tài chính và biết xây dựng các phương án sản xuất đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh nông nghiệp; dịch vụ nông nghiệp, nông thôn (du lịch và môi trường); các nghề mới, nghề giúp nông dân thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đào tạo cho người lao động nắm được các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp thông minh, quy trình kỹ thuật mới, công nghệ mới trong sản xuất, chế biến, quản lý vùng chuyên canh, truy xuất nguồn gốc, mô hình kinh tế tuần hoàn sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- Bổ sung các nghề mới, nghề đặc thù thu hút nhiều lao động nông thôn và đáp ứng với các yêu cầu phát triển kinh tế nông thôn trong thời gian tới: dịch vụ nông nghiệp nông thôn, sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản; kinh doanh nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số; marketing, cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và giám đốc hợp tác xã nông nghiệp.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì chỉ đạo công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn hàng năm.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

+ Hướng dẫn nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp hàng năm và từng giai đoạn cho các địa phương bảo đảm cân đối chung theo định hướng phát triển của ngành nông nghiệp và nhu cầu đào tạo lao động phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn Thành phố;

+ Xây dựng danh mục nghề nông nghiệp; xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo, chuẩn đầu ra các nghề nông nghiệp và ngành nghề nông thôn cho các cơ sở đào tạo nghề.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn như: in ấn tờ rơi, cầm nang, tổ chức hội nghị, hội thảo, phóng sự, chuyên trang; tổ chức khảo sát, học tập các mô hình đào tạo nghề nông nghiệp có hiệu quả tại các tỉnh, thành để tổ chức nhân rộng; phối hợp với các Viện, Trường có liên quan hỗ trợ các địa phương xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố.

- Cùng cố cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề nông nghiệp; gắn đào tạo nghề nông nghiệp với các chương trình, dự án khuyến nông.

- Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố; báo cáo định kỳ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp).

## **2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn Thành phố.

- Hằng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên cơ sở báo cáo của địa phương và của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại các địa phương.

## **3. Sở Tài chính**

Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại phường, xã, thị trấn.

#### **4. Ủy ban nhân dân Quận 12, huyện Củ Chi, huyện Hóc Môn, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ và thành phố Thủ Đức**

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn;

- Khảo sát nhu cầu và xây dựng Kế hoạch giai đoạn 2023 - 2025 và hằng năm về đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Xác định, lựa chọn cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và các cơ sở khác có đủ điều kiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn để thực hiện việc đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo nghề theo nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp tại địa phương.

- Rà soát, đề xuất cơ sở đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn có đủ điều kiện tham gia đào tạo tại địa phương; rà soát, cập nhật, đề xuất bổ sung danh mục nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn (nếu có), gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo nghề nông nghiệp được phân bổ đảm bảo đúng quy định hiện hành. Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giao bổ sung kinh phí cho các đơn vị (nếu có) theo quy định.

- Báo cáo kết quả tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ 6 tháng, hằng năm.

#### **5. Hội Nông dân Thành phố**

- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia học nghề nông nghiệp; tư vấn về giáo dục nghề nghiệp, việc làm, thành lập doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh; chỉ đạo Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tham gia tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại phường, xã, thị trấn.

#### **6. Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố**

- Tăng cường công tác phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp cho lao động nữ, đặc biệt quan tâm lực lượng lao động nữ có nhu

cầu chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp dưới tác động của đô thị hóa và chưa có việc làm phù hợp; giới thiệu lao động nữ có nhu cầu, tham gia tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Giới thiệu, hỗ trợ phụ nữ vay vốn sau học nghề theo các Chương trình của Hội.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại phường, xã, thị trấn.

### **7. Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố**

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương hướng dẫn thực hiện cho vay đối với lao động nông thôn học nghề có nhu cầu vay vốn từ chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp hướng dẫn thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với lao động nông thôn sau đào tạo nghề có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn từ các chương trình tín dụng ưu đãi theo quy định của Chính phủ và Thành phố.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện giám sát việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tại phường, xã, thị trấn.

### **8. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn**

- Chủ động rà soát và xây dựng các chuẩn đầu ra, chương trình, giáo trình phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế nông nghiệp, sản xuất theo chuỗi giá trị, các nghề dịch vụ nông nghiệp theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan.

- Khảo sát nhu cầu học tập nghề của lao động nông thôn, tổ chức tuyển sinh và đào tạo nghề đảm bảo theo chương trình đơn đặt hàng đã được phê duyệt.

- Đổi mới phương pháp đào tạo theo hình thức bắt tay chỉ việc, đào tạo thực hành là chính, đào tạo tại nơi sản xuất. Tổ chức linh hoạt các hình thức đào tạo từ trực tiếp, sang trực tuyến, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

- Phối hợp với các địa phương tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn. Đẩy mạnh ký hợp đồng với các đơn vị sử dụng lao động để tổ chức đào tạo nghề theo yêu cầu.

**9. Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp**

- Phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người học, đáp ứng được nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ theo quy định của pháp luật.

- Thông tin, đề xuất chính xác, kịp thời về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động theo ngành nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã, gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu cần thiết bổ sung, điều chỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo, tham mưu đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**Phụ lục I****CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

*ĐVT: người*

STT	Đơn vị	Giai đoạn 2023 - 2025	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
<b>I</b>	<b>Quận - huyện</b>	<b>4.861</b>	<b>1.800</b>	<b>1.528</b>	<b>1.533</b>
1	Thành phố Thủ Đức	150	50	50	50
2	Quận 12	150	50	50	50
3	Huyện Củ Chi	1.500	600	450	450
4	Huyện Hóc Môn	450	150	150	150
5	Huyện Bình Chánh	1.301	400	448	453
6	Huyện Nhà Bè	460	300	80	80
7	Huyện Cần Giờ	850	250	300	300
<b>II</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>4.460</b>	<b>1.520</b>	<b>1.470</b>	<b>1.470</b>
1	Trung tâm Khuyến nông	360	120	120	120
2	Trường trung cấp kỹ thuật nông nghiệp	4.100	1.400	1.350	1.350
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9.321</b>	<b>3.320</b>	<b>2.998</b>	<b>3.003</b>

**Phụ lục II****SỐ LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

*ĐVT: người*

<b>STT</b>	<b>Giai đoạn 2023 - 2025</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2025</b>
1	15	5	5	5



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1760/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 5462/TTr-SLĐTBXH-NCC ngày 17 tháng 3 năm 2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Ban hành Quy chế**

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

**Điều 3. Trách nhiệm triển khai**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023  
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn liên quan đến việc quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố.

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố.

#### **Điều 2. Công trình ghi công liệt sĩ**

Công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn Thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 41 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sau đây gọi tắt là Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng) và Điều 151 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 131/2021/NĐ-CP):

1. Công trình ghi công liệt sĩ là công trình lịch sử, văn hóa để tôn vinh, tri ân liệt sĩ và giáo dục truyền thống cách mạng.

2. Công trình ghi công liệt sĩ được xây dựng phù hợp với quy hoạch, phong tục, tập quán của từng địa phương, bảo đảm trang nghiêm, mỹ quan, bền vững.

3. Công trình ghi công liệt sĩ bao gồm:

a) Nghĩa trang liệt sĩ là nơi an táng thi hài, hài cốt liệt sĩ, được xây dựng trang nghiêm thể hiện lòng tôn kính đối với các liệt sĩ, phù hợp với quy hoạch của Thành phố và các địa phương.

b) Đài tưởng niệm liệt sĩ được xây dựng ở Trung tâm chính trị, văn hóa của Thành phố; Trung tâm của quận, huyện, thành phố Thủ Đức, phường, xã, thị trấn không có Nghĩa trang liệt sĩ hoặc nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu.

c) Đền thờ liệt sĩ là nơi thờ và ghi danh các liệt sĩ được xây dựng ở nơi có chiến tích lịch sử tiêu biểu.

d) Nhà bia ghi tên liệt sĩ được xây dựng tại quận, huyện, thành phố Thủ Đức, phường, xã, thị trấn không có Nghĩa trang liệt sĩ.

### **Điều 3. Mộ liệt sĩ**

Mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 42 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và Điều 151 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP:

1. Mộ liệt sĩ là nơi an táng thi hài, hài cốt của liệt sĩ.

2. Mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin là mộ có nội dung thông tin ghi trên bia mộ trùng khớp với thông tin trong giấy báo tử, giấy báo tử trận, giấy chứng nhận hy sinh.

3. Mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ được di chuyển theo nguyện vọng của thân nhân hoặc người thờ cúng liệt sĩ.

4. Mộ liệt sĩ trong cùng một Nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng thống nhất về kích thước, quy cách.

5. Nội dung bia mộ liệt sĩ được ghi thống nhất theo quy định.

6. Không xây mới mộ không có hài cốt trong Nghĩa trang liệt sĩ, trừ trường hợp xây mộ để đón nhận hài cốt liệt sĩ được quy tập về.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ, CHĂM SÓC CÔNG TRÌNH GHI CÔNG LIỆT SĨ, MỘ LIỆT SĨ**

**Điều 4. Phân cấp quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ**

Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố như sau:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý Nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ, Đài tưởng niệm liệt sĩ trong Nghĩa trang liệt sĩ Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trực tiếp quản lý nghĩa trang liệt sĩ, Đài tưởng niệm liệt sĩ, Đền thờ liệt sĩ, Nhà bia ghi tên liệt sĩ trên địa bàn. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức quản lý các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn.

Tùy theo tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức phân cấp cho Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn quản lý, chăm sóc một số công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý của cấp huyện.

3. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn trực tiếp quản lý Nhà bia ghi tên liệt sĩ trên địa bàn. Công chức làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức đoàn thể tham mưu giúp Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn quản lý Nhà bia ghi tên liệt sĩ trên địa bàn.

4. Nội dung quản lý mộ liệt sĩ, Nghĩa trang liệt sĩ thực hiện theo quy định tại Điều 153 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

### **Điều 5. Quản lý, chăm sóc công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ**

1. Đối với Nghĩa trang liệt sĩ

a) Xây dựng nội quy, quy chế quản lý, thành lập sơ đồ mộ chí, hồ sơ từng phần mộ.

b) Tiếp nhận, tổ chức an táng, cải táng hài cốt liệt sĩ do các địa phương, đơn vị quy tập bàn giao, nội dung bia mộ liệt sĩ ghi thống nhất theo quy định.

c) Quản lý, bảo vệ, chăm sóc phần mộ liệt sĩ, vườn hoa, cây cảnh, khuôn viên và các công trình khác của nghĩa trang, bảo đảm luôn sạch đẹp và trang nghiêm; thể hiện là công trình văn hóa lịch sử để giáo dục truyền thống, cách mạng cho các thế hệ.

d) Tổ chức đón tiếp, hướng dẫn thân nhân liệt sĩ đến thăm viếng mộ liệt sĩ; xác nhận vào Giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ.

đ) Phục vụ lễ viếng Nghĩa trang liệt sĩ theo quy chế thăm, viếng Nghĩa trang liệt sĩ Thành phố, Nghĩa trang liệt sĩ quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

e) Xây dựng kế hoạch nâng cấp, tu bổ các phần mộ, Nghĩa trang liệt sĩ hàng năm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

g) Phối hợp với cơ quan liên quan xem xét, đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết những trường hợp thân nhân gia đình có liệt sĩ được an táng tại Nghĩa trang liệt sĩ đang quản lý có nguyện vọng cất bốc, di dời mộ liệt sĩ theo quy định.

h) Đối với các phần mộ liệt sĩ đã di chuyển hài cốt, được sửa chữa lại vỏ mộ, trên bia mộ khắc thêm dòng chữ “Hài cốt liệt sĩ đã di chuyển” và trong danh sách quản lý phải ghi rõ hài cốt đã di chuyển; lập biên bản bàn giao hài cốt cho thân nhân liệt sĩ và lưu giữ hồ sơ di chuyển.

2. Đối với các công trình Đền thờ liệt sĩ, Đài tưởng niệm liệt sĩ, nhà bia ghi danh liệt sĩ

a) Quản lý, bảo vệ, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh và các hạng mục khác của các công trình tưởng niệm liệt sĩ, ghi danh liệt sĩ, bảo đảm luôn sạch đẹp và trang nghiêm.

b) Đón tiếp và hướng dẫn các tổ chức và nhân dân đến thăm viếng.

c) Phục vụ chu đáo lễ viếng tưởng niệm liệt sĩ theo quy chế của quận, huyện, thành phố Thủ Đức, phường, xã, thị trấn.

d) Xây dựng kế hoạch nâng cấp, tu bổ công trình tưởng niệm liệt sĩ hàng năm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

3. Đối với mộ liệt sĩ

a) Mộ liệt sĩ phải được quản lý, sửa chữa, tu bổ, thường xuyên chăm sóc.

b) Mộ liệt sĩ trong cùng một Nghĩa trang liệt sĩ được xây dựng thống nhất về kích thước, quy cách theo quy định tại khoản 2 Điều 152 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

c) Quy trình, thủ tục đính chính thông tin bia mộ được thực hiện theo quy định tại Điều 154 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

4. Người làm công tác bảo vệ, chăm sóc, quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ (gọi tắt là nhân viên quản trang).

Đối với Nghĩa trang liệt sĩ an táng từ 500 mộ liệt sĩ trở lên thì có bộ phận quản lý Nghĩa trang liệt sĩ. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của bộ phận quản lý Nghĩa trang liệt sĩ do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định. Số người làm việc do Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ trình Chính phủ quy định.

Đối với Nghĩa trang liệt sĩ an táng dưới 500 mộ liệt sĩ do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định số người chăm sóc.

Cán bộ, viên chức và người lao động thuộc Ban Quản lý Nghĩa trang liệt sĩ Thành phố thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Quy chế này.

Nhân viên quản trang các công trình ghi công liệt sĩ quận, huyện, thành phố Thủ Đức do Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức quyết định; người làm công tác quản trang các công trình ghi công liệt sĩ phường, xã, thị trấn do Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn quyết định. Nhiệm vụ của nhân viên quản trang thực hiện các nội dung có liên quan theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 5 của Quy chế này.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Nghĩa trang liệt sĩ Thành phố

2. Lập và tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện công tác mộ liệt sĩ và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì các công trình ghi công liệt sĩ vào dự toán kinh phí thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng của địa phương; tổng hợp và gửi hồ sơ tài liệu công tác mộ liệt sĩ và các dự án cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì công trình ghi công liệt sĩ được ban hành đúng thẩm quyền về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước thời điểm phân bổ dự toán hằng năm; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phê duyệt phân bổ kinh phí bảo đảm đúng dự toán và nội dung hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tình hình thực hiện công tác mộ liệt sĩ và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì các

công trình ghi công liệt sĩ từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác.

2. Hằng năm trên cơ sở dự toán ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách Thành phố được cấp có thẩm quyền thông báo, chủ trì lập kế hoạch phân bổ kinh phí hỗ trợ; trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt để các địa phương tổ chức thực hiện; đồng thời báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Phối hợp với các địa phương và cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức vận động, huy động mọi nguồn lực để tu bổ, chăm sóc và thực hiện việc xây dựng, quản lý, sử dụng các công trình ghi công liệt sĩ.

4. Tổng hợp danh sách quản lý mộ trong Nghĩa trang liệt sĩ, mộ liệt sĩ do gia đình quản lý trên địa bàn.

5. Quản lý, cập nhật sơ đồ nghĩa trang và vị trí mộ, hồ sơ mộ liệt sĩ khi có sự thay đổi về mộ liệt sĩ trong Nghĩa trang liệt sĩ.

6. Cập nhật thông tin vào danh sách quản lý mộ và cơ sở dữ liệu quốc gia về liệt sĩ khi có sự thay đổi về mộ liệt sĩ trong Nghĩa trang liệt sĩ.

### **Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành có liên quan**

1. Trên cơ sở đề xuất của các sở, ban, ngành Thành phố, đơn vị có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu bố trí ngân sách Thành phố cho các dự án đầu tư công để thực hiện công tác tôn tạo, trùng tu, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn Thành phố, phù hợp khả năng cân đối nguồn vốn của ngân sách Thành phố.

2. Trên cơ sở đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ phối hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ chỉ tiêu số người làm việc tại bộ phận quản lý Nghĩa trang liệt sĩ theo quy định.

3. Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong việc quản lý, khai thác và sử dụng các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp phối hợp thực hiện giám sát công tác quản lý các công trình ghi công



liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố; tuyên truyền, vận động, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ thông qua việc khai thác, sử dụng các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

5. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thấp nển tri ân tại các Nghĩa trang liệt sĩ trên địa bàn.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức**

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này tại địa phương; đồng thời ban hành quy định cụ thể về quản lý, sử dụng các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ ở địa phương.

2. Thực hiện công tác quản lý nhà nước và trực tiếp thực hiện việc nâng cấp, tu sửa các công trình, Đài tưởng niệm liệt sĩ, nhà bia ghi danh liệt sĩ tại địa phương. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan cùng cấp giúp Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức xây dựng nội quy, quy chế quản lý, hợp đồng tuyển dụng người làm công tác quản trang, nhân viên quản lý, bảo vệ ở các công trình thuộc các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn; dành một phần ngân sách địa phương để thực hiện nội dung công việc, nhiệm vụ cho công tác quản lý.

3. Bố trí, kiện toàn bộ phận và nhân viên quản lý, bảo vệ ở các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

4. Thường xuyên tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao ý thức giữ gìn, bảo quản các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, đảm bảo để các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ được chăm sóc chu đáo, bền đẹp và trang nghiêm, xứng đáng với công hiến, hy sinh của các anh hùng liệt sĩ.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Tổng hợp danh sách quản lý mộ trong Nghĩa trang liệt sĩ theo Mẫu số 84 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, mộ liệt sĩ an táng ngoài Nghĩa trang liệt sĩ theo Mẫu số 85 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP trên địa bàn.

2. Quản lý sơ đồ nghĩa trang và vị trí mộ, hồ sơ mộ liệt sĩ.

3. Cập nhật thông tin trong danh sách quản lý mộ và báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với trường hợp hài cốt liệt sĩ di chuyển hoặc mới tiếp nhận.

4. Lưu và gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này.

### **Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan**

Các tổ chức, cá nhân đến viếng, tham quan, sinh hoạt truyền thống tại các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản các công trình ghi công liệt sĩ; chấp hành đầy đủ nội quy, quy định và theo sự hướng dẫn của Ban quản lý hoặc nhân viên quản trang tại các công trình ghi công liệt sĩ.

### **Điều 11. Kinh phí đảm bảo xây dựng, tu bổ sửa chữa và quản lý các công trình ghi công liệt sĩ; hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ**

Hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) cùng với kinh phí được bố trí từ ngân sách Trung ương để chỉ đạo các đơn vị có liên quan thực hiện xây dựng, cải tạo, nâng cấp, quản lý, chăm sóc các công trình ghi công liệt sĩ tại địa phương.

#### **1. Ngân sách Trung ương**

a) Hỗ trợ xây mới vỏ mộ liệt sĩ bao gồm cả bia ghi tên liệt sĩ; hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa mộ liệt sĩ bao gồm cả bia ghi tên liệt sĩ.

b) Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì Nghĩa trang liệt sĩ theo dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ, di chuyển hài cốt liệt sĩ.

#### **2. Ngân sách địa phương**

Ngân sách địa phương bảo đảm nội dung chi đầu tư xây dựng, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, quản lý công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ và tổ chức lễ truy điệu, an táng hài cốt liệt sĩ.

Hàng năm, các cơ quan quản lý Nghĩa trang liệt sĩ lập dự toán kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp ngân sách của địa phương.

**Điều 12. Điều khoản thi hành**

1. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các công trình ghi công liệt sĩ hoặc biết nhưng không ngăn chặn, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, bảo vệ hoặc có những đóng góp tiêu biểu vào đầu tư, tu bổ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sĩ, được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét khen thưởng.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan để quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**MẪU BIỂU ĐÍNH KÈM**

Mẫu số 84	Danh sách quản lý mộ trong Nghĩa trang liệt sĩ
Mẫu số 85	Danh sách quản lý mộ liệt sĩ an táng ngoài Nghĩa trang liệt sĩ

.....  
 .....

**DANH SÁCH QUẢN LÝ MỘ TRONG NGHĨA TRANG LIỆT SĨ**

TT	Tên nghĩa trang liệt sĩ	Vị trí mộ liệt sĩ				Thông tin về phần mộ (họ tên, ngày sinh, nguyên quán, ...)	Thông tin di vật	Thông tin quy tập hoặc an táng hài cốt trước khi tiếp nhận		Thông tin về di chuyển hài cốt liệt sĩ		Ghi chú
		Số mộ	Hàng	Khu	Lô			Địa điểm	Đơn vị quy tập	Địa phương an táng sau di chuyển	Người di chuyển (Ghi rõ mối quan hệ với liệt sĩ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Nghĩa trang liệt sĩ...											
	...											
II	Nghĩa trang liệt sĩ...											
	...											

**NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày ... tháng ... năm ....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
 (Ký, đóng dấu)  
**Họ và tên**

.....  
.....

**DANH SÁCH QUẢN LÝ MỘ LIỆT SĨ AN TÁNG NGOÀI NGHĨA TRANG LIỆT SĨ**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên liệt sĩ</b>	<b>Nguyên quán</b>	<b>Nơi an táng trước đây</b>	<b>Địa bàn an táng (thôn, xã, huyện)</b>	<b>Người di chuyển (Ghi rõ mối quan hệ với liệt sĩ)</b>	<b>Ghi chú</b>

**NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày ... tháng ... năm ....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
(Ký, đóng dấu)  
**Họ và tên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1796/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố bãi bỏ thủ tục hành chính trong lĩnh vực cán bộ  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1949/TTr-SNV ngày 25 tháng 4 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực cán bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho các thủ tục hành chính tại mục A.I.1 và A.I.2 ban hành kèm theo Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực cán bộ, công chức, viên chức, chính quyền địa phương, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nội vụ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Mãi**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CÁN BỘ  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NỘI VỤ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Nội vụ**

<b>Stt</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Văn bản quy định việc bãi bỏ TTHC</b>
1	Thủ tục phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.	- Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.
2	Thủ tục phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện.	- Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính. - Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1836/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 5 năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành triển khai thực hiện  
thí điểm “Mô hình một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em  
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Trẻ em ngày 19 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội  
về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về  
phòng, chống xâm hại trẻ em;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Quốc hội về  
ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính  
phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp  
xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ  
quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

Căn cứ Quyết định số 21/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình;

Căn cứ Thông tư số 43/2015/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Y tế quy định về nhiệm vụ và hình thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác xã hội của bệnh viện;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế quy định quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân của bạo lực gia đình tại các cơ sở khám chữa bệnh;

Căn cứ Thông ty số 02/2020/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý đối tượng đợc cở sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ công tác xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2022/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP-BLĐTBXH ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 3133/QĐ-BYT ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Bộ Y tế hướng dẫn chăm sóc và hỗ trợ y tế cho người bị xâm hại tình dục;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy trình phối hợp hỗ trợ, can thiệp,

xử lý đối với các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại, xâm hại tình dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy trình phối hợp hỗ trợ, can thiệp, xử lý đối với các trường hợp bạo lực gia đình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Chiến lược, Chương trình quốc gia về bình đẳng giới và phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 4275/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập thí điểm “Mô hình một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1716/TTr-SYT ngày 14 tháng 3 năm 2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp liên ngành triển khai thực hiện thí điểm “Mô hình một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể Thao, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng ban Ban Dân tộc Thành phố, Giám đốc Công an Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền trẻ em Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Giám đốc Bệnh viện Hùng Vương, Giám đốc Trung tâm Công tác

---

xã hội - Giáo dục dạy nghề Thiếu niên Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

**Dương Anh Đức**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp liên ngành triển khai thực hiện thí điểm “Mô hình một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của  
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Các trường hợp phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên đến khám và điều trị tại Bệnh viện Hùng Vương phát hiện bị bạo lực, xâm hại tình dục.

##### **2. Nguyên tắc áp dụng:**

Đảm bảo an toàn cho nạn nhân trong thời gian tạm lánh; đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của việc cung cấp dịch vụ tại chỗ cho nạn nhân. Tuân thủ nguyên tắc “Công khai nơi tiếp nhận, bí mật nơi tạm lánh” để nạn nhân dễ dàng tiếp cận dịch vụ nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho nạn nhân trước những người gây bạo lực, xâm hại tình dục.

##### **3. Đối tượng áp dụng:**

a) Bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh và nhân viên công tác xã hội đang công tác tại Bệnh viện Hùng Vương.

b) Viên chức và người lao động đang công tác tại Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục dạy nghề Thiếu niên Thành phố.

c) Ủy ban nhân dân các cấp.

d) Các sở, ban, ngành Thành phố; Trung tâm Pháp y Thành phố; Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố; Các cơ sở trợ giúp xã hội; Địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, Nhà tạm lánh được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Bạo lực trên cơ sở giới được hiểu là “Bạo lực nhằm vào một người trên cơ sở đối xử phân biệt giới hoặc giới tính; bao gồm các hành động gây tác hại hoặc gây đau đớn về thể xác, tinh thần hay tình dục, gồm cả sự đe dọa thực hiện những hành vi này, sự cưỡng bức và tước đoạt tự do dưới các hình thức khác nhau. Mặc dù phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể trở thành nạn nhân bạo lực giới nhưng phụ nữ và trẻ em gái thường là nạn nhân chủ yếu”<sup>1</sup>.

2. Người bị bạo lực giới là người bị đối xử phân biệt giới hoặc giới tính dưới một hoặc nhiều hình thức khác nhau làm tổn thương về thể xác hoặc tinh thần.

3. Xâm hại trẻ em là hành vi gây tổn hại về thể chất, tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm của trẻ em dưới các hình thức bạo lực, bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc và các hình thức gây tổn hại khác<sup>2</sup>.

4. Xâm hại tình dục là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ người dưới 16 tuổi tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, giao cấu, dâm ô với người dưới 16 tuổi và sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức (ví dụ: hoạt động xâm hại tình dục được thực hiện do đồng thuận với người dưới 13 tuổi); do cưỡng bức, do hứa hẹn các lợi ích vật chất (tiền, tài sản) hay các lợi ích phi vật chất (ví dụ: cho điếm cao, đánh giá tốt, tạo cơ hội tiến bộ...) <sup>3</sup>.

5. Bảo mật về thông tin là việc giữ kín thông tin liên quan đến người bị bạo lực giới; không bao gồm việc cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, có trách nhiệm để thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ, can thiệp, xử lý các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục.

<sup>1</sup> Tuyên bố của Cao ủy Liên Hợp quốc về Người Tị nạn (UNHCR) năm 2003.

<sup>2</sup> Khoản 5 Điều 4 Luật Trẻ em.

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

6. Trường hợp khẩn cấp là những trường hợp bị bạo lực, xâm hại tình dục bị tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, bị ảnh hưởng đến nhu cầu tối thiểu cần phải cấp cứu, điều trị và cung cấp ngay điều kiện hỗ trợ ban đầu (ăn, uống, chỗ ở tạm thời) và cần cách ly/bảo vệ để bảo đảm an toàn.

7. Dịch vụ thiết yếu là những dịch vụ cốt lõi được cung cấp bởi các ngành y tế, dịch vụ xã hội, tư pháp và hành pháp. Các dịch vụ ở mức tối thiểu cần bảo đảm các quyền, sự an toàn, sức khỏe của phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên<sup>4</sup>.

8. Điều phối liên ngành là phương thức hoạt động phối hợp của các bên liên quan có sự điều hành của một cơ quan chỉ đạo cấp trên và được vận hành, kết nối bởi một cơ quan thường trực làm đầu mối nhằm đảm bảo tính toàn diện, đa dạng, có hệ thống và bền vững, tránh chồng chéo hoặc phát sinh khoảng trống trong thực hiện các chức trách được giao.

9. Người quản lý đối tượng là công chức, viên chức, người lao động, cộng tác viên công tác xã hội được người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện giao nhiệm vụ quản lý đối tượng (người bị bạo lực, xâm hại tình dục).

### **Điều 3. Mục đích và nguyên tắc hỗ trợ**

#### **1. Mục đích:**

Nâng cao trách nhiệm giải trình của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong thực hiện quy trình phối hợp chuyển bệnh nhân là người bị bạo lực, xâm hại tình dục đến dịch vụ phù hợp, kịp thời, đồng bộ và hiệu quả. Huy động nguồn lực các bên nhằm phát huy tối đa hiệu quả cung cấp dịch vụ thiết yếu hỗ trợ, can thiệp đối với bệnh nhân là người bị bạo lực, xâm hại tình dục nhưng không có khả năng tự bảo vệ bản thân, giúp giải cứu họ an toàn.

#### **2. Nguyên tắc hỗ trợ:**

a) Lấy người bị bạo lực, xâm hại tình dục làm trung tâm: Các dịch vụ hỗ trợ cần giúp tăng cường tính tự chủ của người bị bạo lực, xâm hại tình dục; theo đó họ được quyền tự ra quyết định, kể cả quyết định không tiếp cận các dịch vụ thiết yếu và được hỗ trợ để ra quyết định cũng như thực hiện quyết định của mình. Dịch vụ hỗ trợ

---

<sup>4</sup> Gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực - Chương trình chung toàn cầu của Liên Hợp quốc (UN Women, UNFPA, WHO, UNDP và UNODC) năm 2020.



cần làm việc với mỗi người bị bạo lực, xâm hại tình dục như là một cá thể riêng biệt và duy nhất với những nhu cầu riêng của họ.

b) An toàn là trên hết: Sự an toàn của người bị bạo lực, xâm hại tình dục cần được đặt lên hàng đầu và là nguyên tắc số một khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ. Người quản lý người bị bạo lực, xâm hại tình dục khi thực hiện hoạt động hỗ trợ trong mọi tình huống phải đánh giá mức độ an toàn của họ để đưa ra các bước xử lý tiếp theo.

c) Tiếp cận dựa trên quyền: Dịch vụ hỗ trợ phải đảm bảo trợ giúp người bị bạo lực, xâm hại tình dục thực hiện các quyền của mình như quyền được an toàn, quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được chăm sóc y tế, quyền được biểu đạt, quyền tự quyết, quyền được cung cấp thông tin.

d) Thúc đẩy bình đẳng giới: Dịch vụ cung cấp mang tính nhạy cảm giới, phá bỏ các định kiến giới và các phân biệt đối xử trên cơ sở giới, giúp người bị bạo lực, xâm hại tình dục ra quyết định và hỗ trợ nguồn lực để họ thực hiện được các quyết định của mình.

đ) Thực thi công lý: Người bị bạo lực, xâm hại tình dục cần được hỗ trợ tư pháp để đảm bảo rằng người gây ra bạo lực, xâm hại tình dục phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

e) Phối hợp liên ngành, liên tổ chức: Người bị bạo lực, xâm hại tình dục thường có các nhu cầu đa dạng khác nhau, do vậy cần sự phối hợp liên ngành và liên tổ chức để đảm bảo hỗ trợ toàn diện và liên tục cho họ; tùy từng trường hợp, có thể cần phải phối hợp với các tổ chức và cá nhân (các cơ quan đại diện nước ngoài) trong quá trình hỗ trợ.

#### **Điều 4. Nguyên tắc phối hợp**

1. Tuân thủ chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

2. Có sự phân công cụ thể, rõ ràng cho từng đơn vị để thống nhất các giải pháp hỗ trợ đảm bảo cung cấp dịch vụ kịp thời, liên tục, phù hợp và thân thiện.

3. Phát huy thế mạnh, sở trường, điều kiện và nguồn lực hiện có của các bên, tránh sự trùng lặp trong quá trình can thiệp, hỗ trợ.

4. Bảo mật thông tin là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tiếp nhận, quản lý, cung cấp thông tin liên quan đến người bị bạo lực, xâm hại tình dục và người cung cấp thông tin. Việc chia sẻ thông tin, số liệu kịp thời, chính xác cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phòng ngừa, trợ giúp người bị bạo lực, xâm hại tình dục là trách nhiệm và được thực hiện theo quy trình quản lý ca, phải được sự đồng ý của đối tượng và vì mục đích trợ giúp đối tượng

5. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành, phối hợp liên ngành giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục xảy ra trên địa bàn quản lý thực hiện theo phân cấp quản lý ngành, lĩnh vực bằng nguồn lực của địa phương, đơn vị, nguồn huy động hợp pháp khác.

6. Các hoạt động hỗ trợ, can thiệp, xử lý các vụ bạo lực, xâm hại tình dục có sự tham gia và chịu sự giám sát, đánh giá của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội ở các cấp.

## **CHƯƠNG II**

### **TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP, CUNG CẤP DỊCH VỤ THIẾT YẾU VÀ QUY TRÌNH HỖ TRỢ NGƯỜI BỊ BẠO LỰC**

#### **Điều 5. Trách nhiệm phối hợp**

##### **1. Cơ quan Thường trực:**

a) Cơ quan thường trực cấp Thành phố là Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục dạy nghề Thiếu niên Thành phố (sau đây viết tắt là Trung tâm CTXH) trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quy trình tiếp nhận, can thiệp, hỗ trợ, xử lý vụ việc và quản lý ca đối với người bị bạo lực, xâm hại tình dục tạm lánh tại Trung tâm.

b) Cơ quan thường trực cấp huyện là Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận, huyện và thành phố Thủ Đức thay mặt Ủy ban nhân dân cùng cấp điều phối các hoạt động liên ngành về chuyên môn và thực hiện cơ chế hợp, báo cáo thuộc phạm vi Quy chế này.

2. Sở Y tế chỉ đạo phòng, ban và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phối hợp với Bệnh viện Hùng Vương triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn đảm bảo tốt việc cung cấp dịch vụ cho bệnh nhân là người bị bạo lực, xâm hại tình dục.

3. Bệnh viện Hùng Vương là đơn vị điều phối, triển khai thực hiện các hoạt động của “*Mô hình một cửa hỗ trợ phụ nữ và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*” (sau đây viết tắt là Mô hình); phân công Phòng Công tác xã hội Bệnh viện (sau đây viết tắt là Phòng CTXH Bệnh viện) phối hợp các Phòng, Khoa của Bệnh viện xây dựng quy trình tiếp nhận, điều trị bệnh nhân là người bị bạo lực, xâm hại tình dục; phối hợp các cơ quan, tổ chức và các chuyên gia trong việc can thiệp, trợ giúp và đảm bảo họ nhận được dịch vụ hỗ trợ tại một địa chỉ của Phòng CTXH Bệnh viện.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã):

a) Chỉ đạo các cơ quan cùng cấp liên quan thực hiện chính sách, cung cấp dịch vụ thiết yếu, tổ chức hoạt động phòng, chống bạo lực, xâm hại tình dục phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên; bố trí nguồn lực đảm bảo tổ chức, triển khai các hoạt động phối hợp liên ngành; vận động nguồn lực hỗ trợ trường hợp người bị bạo lực, xâm hại tình dục cư trú tại địa phương phải điều trị do thương tích nặng hoặc bị tổn thương nghiêm trọng phải hồi phục lâu dài;

b) Cử bộ phận, cán bộ đầu mối tham dự các buổi họp, hội chẩn ca (khi có yêu cầu) và phối hợp tham mưu, triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ thiết yếu cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục cư trú tại địa phương.

5. Thành phần tham gia Hội đồng tư vấn Mô hình cấp Thành phố gồm: Công an Thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa và Thể thao, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Hội Bảo vệ quyền trẻ em Thành phố, Ban Dân tộc Thành phố, Trung tâm Pháp y Thành phố, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Thành phố, Bệnh viện Hùng Vương, Trung tâm Công tác xã hội - Giáo dục dạy nghề Thiếu niên Thành phố, các ban, ngành ở địa phương nơi có người bị bạo lực, xâm hại tình dục cư trú và các chuyên gia (sau đây viết tắt là Hội đồng tư vấn) để thực hiện các hoạt động chuyên môn, tham dự các buổi họp, hội chẩn ca (khi có yêu cầu) và thực hiện các công việc khác liên quan đến Mô hình.

## **Điều 6. Cung cấp dịch vụ thiết yếu hỗ trợ người bị bạo lực, xâm hại tình dục và người có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại tình dục**

### **1. Sở Y tế điều phối:**

a) Bệnh viện Hùng Vương chỉ đạo các phòng, khoa tiếp nhận, khám, sàng lọc, điều trị khẩn cấp cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục theo Thông tư số 24/2017/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế và các quy định hiện hành. Hướng dẫn, hỗ trợ bệnh nhân là người bị bạo lực, xâm hại tình dục lưu giữ bằng chứng trước khi điều trị; thông tin nhanh đến cơ quan thường trực cùng cấp để phối hợp hỗ trợ. Nếu phát hiện nghi có dấu hiệu tội phạm, thông tin nhanh nhất đến Phòng CTXH Bệnh viện để phối hợp với cơ quan điều tra và Trung tâm Pháp y Thành phố thực hiện giám định, lưu trữ hồ sơ khám, điều trị của bệnh nhân là người bị bạo lực, xâm hại tình dục phục vụ công tác điều tra, xử lý vụ việc theo quy định.

b) Trung tâm Pháp y Thành phố có trách nhiệm tiếp nhận, khám, cấp y chứng cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục khi có trung cầu giám định của cơ quan Cảnh sát điều tra thực hiện và làm việc với Trung tâm Pháp y Thành phố. Trong thời gian quy định, Trung tâm Pháp y Thành phố phải cung cấp kết luận giám định cho cơ quan Công an, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Cảnh sát điều tra để phục vụ công tác điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật, bảo mật thông tin.

2. Cơ quan thường trực khi tiếp nhận thông tin từ Phòng CTXH Bệnh viện phải kết nối với bộ phận, cán bộ đầu mối liên ngành và tổ chức cung cấp dịch vụ một đầu mối để trợ giúp người bị bạo lực, xâm hại tình dục và người có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại tình dục, cụ thể như sau:

a) Cơ quan thường trực cấp Thành phố (Trung tâm CTXH) chủ trì kết nối cung cấp dịch vụ thiết yếu tuyến Thành phố đối với các trường hợp đề nghị từ Phòng CTXH Bệnh viện. Thực hiện quy trình tiếp nhận, can thiệp, hỗ trợ, xử lý vụ việc và quản lý ca đối với người bị bạo lực, xâm hại tình dục tạm lánh tại Trung tâm CTXH.

b) Cơ quan thường trực cấp huyện, tùy trường hợp các vụ việc xảy ra trong môi trường nào, đơn vị chủ trì sẽ được chỉ định cụ thể để kết nối cung cấp dịch vụ thiết yếu ở tuyến huyện đối với các trường hợp Phòng CTXH Bệnh viện đề nghị trợ giúp hoặc các trường hợp do tuyến Thành phố chuyển. Thực hiện quy trình tiếp nhận, can thiệp, hỗ trợ, xử lý vụ việc và hướng dẫn cấp xã thực hiện quản lý ca tại địa phương.

3. Mọi thông tin về người bị bạo lực, xâm hại tình dục được Phòng CTXH Bệnh viện chuyên về Trung tâm CTXH (trong trường hợp người bị bạo lực, xâm hại tình dục đồng ý chia sẻ thông tin) để phối hợp với chính quyền địa phương xác nhận thông tin, đánh giá, phân loại, phối hợp trợ giúp.

4. Các cơ quan, đơn vị đầu mối cung cấp dịch vụ thuộc các ngành Tư pháp; Công an; Văn hóa và Thể thao; Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp; Hội Bảo vệ quyền trẻ em; cơ sở trợ giúp xã hội chủ động và phối hợp kịp thời với Bệnh viện Hùng Vương và Cơ quan thường trực cùng cấp để xác định nhu cầu cần trợ giúp, tư vấn và cung cấp dịch vụ thiết yếu cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục.

### **Điều 7. Quy trình hỗ trợ người bị bạo lực, xâm hại tình dục tại Bệnh viện Hùng Vương và Trung tâm CTXH**

Gồm 06 bước như sau:

1. Bước 1. Phát hiện người bị bạo lực, xâm hại tình dục:

Tất cả viên chức, người lao động đang công tác tại Bệnh viện Hùng Vương có trách nhiệm phát hiện người bị bạo lực, xâm hại tình dục tiếp nhận thông tin trực tiếp từ nạn nhân, gián tiếp qua người thân của họ hoặc qua thăm khám, điều trị.

2. Bước 2. Tiếp nhận và xử lý thông tin ban đầu:

- Cá nhân phát hiện hoặc tiếp nhận thông tin người bị bạo lực, xâm hại tình dục cần chủ động xác minh thông tin, nếu thông tin chính xác phải khẩn trương báo cáo lãnh đạo Phòng CTXH Bệnh viện về vụ việc.

- Phòng CTXH Bệnh viện chủ động phân công nhân viên Công tác xã hội (sau đây viết tắt là nhân viên CTXH) phối hợp với Phòng, Khoa chuyên môn của Bệnh viện thực hiện hoạt động đánh giá sơ bộ mức độ rủi ro, xác định nhu cầu và cung cấp thông tin về các dịch vụ trợ giúp cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục. Căn cứ nhu cầu của người bị bạo lực, xâm hại tình dục để thực hiện lựa chọn 2 cấp độ hỗ trợ như sau:

+ Cấp độ 1: Cấp độ hỗ trợ khẩn cấp (**Bước 3**) và cung cấp các dịch vụ thiết yếu tại Phòng CTXH Bệnh viện (**Bước 4**).

+ Cấp độ 2: Cấp độ hỗ trợ, can thiệp tại cộng đồng (chuyên ca đến Trung tâm CTXH theo dõi, thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ).

### 3. Bước 3. Hỗ trợ khẩn cấp:

- Bệnh viện Hùng Vương bố trí tạm lánh cho bệnh nhân là người bị bạo lực, xâm hại tình dục đang điều trị bị đe dọa theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BYT ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Bộ Y tế; đồng thời, đề nghị và phối hợp với cơ quan Công an nơi Bệnh viện trú đóng để bảo vệ bệnh nhân này và những người có liên quan.

- Khi người bị bạo lực, xâm hại tình dục có nhu cầu tạm lánh tại Trung tâm CTXH, Phòng CTXH Bệnh viện thông báo cho Trung tâm CTXH tiếp nhận, bố trí nơi tạm lánh cho họ.

**Lưu ý:** Trong trường hợp người bị bạo lực, xâm hại tình dục cấp cứu hoặc cần hỗ trợ giải cứu: Nhân viên y tế Bệnh viện thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu và điều trị, nếu phát hiện những tổn thương nghiêm trọng nhưng Bệnh viện không đáp ứng điều kiện chăm sóc phải thông tin tới Phòng CTXH Bệnh viện báo cáo Lãnh đạo Bệnh viện để thực hiện các bước (thủ tục) chuyển tuyến và hỗ trợ theo quy định; đồng thời, Phòng CTXH Bệnh viện phối hợp với Trung tâm CTXH và thành viên Hội đồng tư vấn để hội chẩn ca, hỗ trợ kịp thời.

### 4. Bước 4. Cung cấp các dịch vụ xã hội thiết yếu tại Phòng CTXH Bệnh viện:

- Nhân viên CTXH tiếp nhận người bị bạo lực, xâm hại tình dục, tiến hành thu thập thông tin và tham vấn ban đầu, xác định nhu cầu, đánh giá mức độ rủi ro, căn cứ kết quả đánh giá để tư vấn cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục về các dịch vụ hỗ trợ tại Phòng một cửa thuộc Bệnh viện Hùng Vương và Trung tâm CTXH theo hình thức:

a) Trường hợp người bị bạo lực, xâm hại tình dục **không có nhu cầu tạm lánh** tại Trung tâm CTXH:

- Nhân viên CTXH thực hiện hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn, tham vấn tâm lý, kết nối các dịch vụ hỗ trợ dựa trên nhu cầu của người bị bạo lực, xâm hại tình dục.

- Nhân viên y tế Bệnh viện thực hiện thăm khám ban đầu và chăm sóc sơ bộ vết thương nếu người bị bạo lực, xâm hại tình dục có nhu cầu cần hỗ trợ. Chuyển hồ sơ người bị bạo lực, xâm hại tình dục sau khi thăm khám, chăm sóc cho nhân viên

CTXH để thực hiện lưu trữ hồ sơ và chuyển thông tin quản lý ca về Trung tâm CTXH để theo dõi, hỗ trợ và quản lý tại địa phương quy định.

b) Trường hợp người bị bạo lực, xâm hại tình dục **có nhu cầu tạm lánh** tại Trung tâm CTXH: Các dịch vụ thiết yếu được cung cấp tại Trung tâm CTXH gồm:

- Dịch vụ tạm lánh an toàn và chăm sóc tạm thời:

+ Viên chức, người lao động tại Trung tâm CTXH (bao gồm: Nhân viên CTXH, Y tế, Tổng đài và Phòng Hành chính) phối hợp thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận, chăm sóc tạm thời và sắp xếp nơi tạm lánh an toàn cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục theo sự phân công, chỉ đạo của Lãnh đạo Trung tâm (theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

+ Thời gian người bị bạo lực, xâm hại tình dục tạm lánh tại Trung tâm CTXH được hỗ trợ tối đa 03 tháng (theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ) để được cung cấp các dịch vụ thiết yếu theo quy định, phù hợp với nhu cầu; Trung tâm CTXH phối hợp với Cơ quan Công an nơi đơn vị trú đóng thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn nơi tạm lánh.

+ Trường hợp hết thời gian tạm lánh 03 tháng, nhưng khả năng, điều kiện của người bị bạo lực, xâm hại tình dục chưa thể tái hòa nhập cộng đồng hoặc vụ việc đang trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, Trung tâm CTXH báo cáo Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét cho phép kéo dài thời gian tạm lánh/cách ly/chăm sóc thay thế cho đến khi họ đủ khả năng, điều kiện tái hòa nhập cộng đồng (theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ).

+ Nhân viên CTXH tại Trung tâm CTXH có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hỗ trợ và dự kiến thời gian tạm lánh của người bị bạo lực, xâm hại tình dục, báo cáo Lãnh đạo Trung tâm (theo quy định tại Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Dịch vụ y tế: Nhân viên y tế của Trung tâm CTXH thực hiện chăm sóc sức khỏe cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục trong thời gian tạm lánh; báo cáo Lãnh đạo Trung tâm đối với trường hợp phát hiện những tổn thương nghiêm trọng nhưng

Trung tâm không đủ điều kiện chăm sóc để thực hiện các bước (thủ tục) chuyển tuyến và hỗ trợ theo quy định.

- Dịch vụ xã hội: Nhân viên CTXH tại Trung tâm CTXH thực hiện các hoạt động sau dựa trên nhu cầu và nguyên tắc lấy người bị bạo lực, xâm hại tình dục làm trung tâm:

+ Thông tin về dịch vụ, nguyên tắc trợ giúp, nội quy của nơi tạm lánh;

+ Cung cấp thông tin và nâng cao nhận thức về quyền của người bị bạo lực, xâm hại tình dục, các thông tin liên quan đến Luật Bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và gia đình, các chính sách, dịch vụ hỗ trợ, thúc đẩy bình đẳng giới;

+ Tư vấn tăng cường tính tự chủ, tham vấn tâm lý;

+ Hướng dẫn kỹ năng sống;

+ Xây dựng Kế hoạch hỗ trợ trên cơ sở thống nhất các nội dung với người bị bạo lực, xâm hại tình dục và phù hợp quy định pháp luật hiện hành;

+ Tham mưu, phối hợp với các bên liên quan (bao gồm cả Hội đồng tư vấn và các Chuyên gia được mời tham gia hỗ trợ) để tư vấn, hỗ trợ cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục trong các vấn đề khác, đặc biệt là ở lĩnh vực Tư pháp và Hành pháp;

+ Quản lý và đánh giá trường hợp, tham mưu cho Lãnh đạo Trung tâm CTXH phối hợp và thực hiện chuyển tuyến tới dịch vụ chuyên biệt trong trường hợp cần thiết (**Bước 5**);

+ Đánh giá điều kiện hòa nhập cộng đồng, xây dựng kế hoạch hòa nhập cộng đồng của người bị bạo lực, xâm hại tình dục (**Bước 6**);

+ Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định.

5. Bước 5. Chuyển tuyến tới dịch vụ chuyên biệt hơn:

Nhân viên CTXH Bệnh viện thực hiện tham mưu, phối hợp với Phòng, Khoa của Bệnh viện, Trung tâm CTXH và các đơn vị liên quan để thực hiện thủ tục kết nối, chuyển tuyến hỗ trợ người bị bạo lực, xâm hại tình dục trong các trường hợp sau:

- Bị tổn thương nghiêm trọng về thể chất và sức khỏe tâm thần;

- Cần thu thập chứng cứ, truy tố hình sự đối với người gây bạo lực;

- Là người cao tuổi, không còn nơi nương tựa;



- Không có công việc, nghề nghiệp;

- Là nạn nhân của mua bán người.

6. Bước 6. Hòa nhập cộng đồng:

- Khi người bị bạo lực, xâm hại tình dục có đơn đề nghị trở về cộng đồng, Trung tâm CTXH tiến hành đánh giá điều kiện và khả năng tái hòa nhập cộng đồng, kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng trên cơ sở có sự tham gia của người bị bạo lực, xâm hại tình dục, sau đó trình Lãnh đạo Trung tâm CTXH phê duyệt.

- Kết thúc hoạt động hỗ trợ tạm lánh, chăm sóc tạm thời, tư vấn, tham vấn và can thiệp, hỗ trợ cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục tại Trung tâm CTXH.

- Hoàn thiện thủ tục, đóng ca và lưu trữ, bảo mật hồ sơ theo quy định.

- Theo dõi, duy trì liên hệ với người bị bạo lực, xâm hại tình dục; đồng thời phối hợp, chuyển gửi thông tin, kế hoạch hòa nhập cộng đồng của người bị bạo lực, xâm hại tình dục tới chính quyền địa phương để thực hiện các hoạt động trợ giúp trong trường hợp họ tiếp tục cần sự hỗ trợ tại cộng đồng.

### CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 8. Trách nhiệm của sở, ngành là thành viên Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ và Bình đẳng giới, Ủy ban Trẻ em các cấp**

1. Trách nhiệm chung:

a) Chủ động triển khai, thực hiện Quy chế theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Chỉ đạo hệ thống ngành dọc triển khai thực hiện và đảm bảo công tác phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tiếp nhận, hỗ trợ, can thiệp, xử lý đối với vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục khi được yêu cầu. Theo dõi, giám sát, đánh giá việc trợ giúp nạn nhân và công tác xử lý vụ việc; kiến nghị xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ bạo lực, xâm hại tình dục phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên.

b) Phân công lãnh đạo phụ trách và cán bộ giúp việc là người có kinh nghiệm làm đầu mối của ngành trong hoạt động phối hợp liên ngành của Mô hình, trực tiếp tư vấn, hỗ trợ trong các vụ việc khi có yêu cầu.

c) Tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ cơ sở của ngành về công tác phối hợp triển khai thực hiện thí điểm Mô hình và kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến nhiệm vụ của ngành. Tuyên truyền rộng rãi Mô hình dịch vụ trợ giúp nạn nhân do ngành phụ trách; chỉ đạo các cơ sở dịch vụ, kỹ thuật hướng dẫn và thực hiện tư vấn, hỗ trợ, can thiệp, xử lý vụ việc nhanh chóng, an toàn, hiệu quả.

d) Chỉ đạo phối hợp cung cấp thông tin, báo cáo kịp thời cho cơ quan thường trực cùng cấp về vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này; theo dõi, đánh giá việc thực hiện hỗ trợ, can thiệp, xử lý vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên theo trách nhiệm của ngành.

## 2. Trách nhiệm cụ thể:

### a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức các lớp tập huấn triển khai thực hiện thí điểm Mô hình; tập huấn liên ngành, chuyên ngành định kỳ và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ, người cung cấp dịch vụ các ngành, các cấp về kiến thức, kỹ năng cung cấp dịch vụ phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, kỹ năng tư vấn, trợ giúp người bị bạo lực, xâm hại tình dục là phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên, kỹ năng làm việc với người gây bạo lực; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; hàng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Chỉ đạo Trung tâm CTXH thực hiện:

+ Phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện quy trình tiếp nhận, can thiệp, hỗ trợ và chuyển gửi an toàn người bị bạo lực, xâm hại tình dục tạm lánh tại Trung tâm; phối hợp, hỗ trợ địa phương tư vấn, kết nối dịch vụ trợ giúp người bị bạo lực, xâm hại tình dục tại cộng đồng; theo dõi, đánh giá việc hỗ trợ nạn nhân hòa nhập;

+ Phối hợp xây dựng dự toán kinh phí thực hiện đầu ra của Mô hình gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phân bổ kinh phí;

+ Đề xuất thành lập Hội đồng tư vấn Mô hình để phối hợp với Bệnh viện Hùng Vương hội chẩn ca, cung cấp dịch vụ tại chỗ cho nạn nhân.

### b) Sở Y tế

- Chỉ đạo các cơ sở y tế có giường bệnh ưu tiên tiếp nhận khám, điều trị đối với người bị bạo lực, xâm hại tình dục và người có dấu hiệu bị bạo lực, xâm hại tình dục chuyển tuyến từ Bệnh viện Hùng Vương; phát hiện, lưu giữ chứng tích, cung cấp thông tin về kết quả khám, điều trị của người bị bạo lực, xâm hại tình dục cho cơ quan điều tra khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Chỉ đạo Trung tâm Pháp y Thành phố giám định đối với người bị bạo lực khi có trung cầu của cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Thông tin cho Cơ quan thường trực (Trung tâm CTXH) để phối hợp khi thấy người bệnh có dấu hiệu bị bạo lực, xâm hại tình dục; chỉ đạo, hỗ trợ chuyên môn cho Phòng CTXH các cơ sở y tế trong tư vấn, tham vấn ổn định tâm lý cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục; bố trí cán bộ chuyên môn có kinh nghiệm trực tiếp tham gia tư vấn, trị liệu tâm lý cho người bệnh có dấu hiệu bị bạo lực, xâm hại tình dục tại Bệnh viện Hùng Vương và Trung tâm CTXH (khi có yêu cầu).

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tập huấn kỹ năng công tác xã hội và cung cấp dịch vụ y tế cho tất cả người bị bạo lực, xâm hại tình dục, bao gồm người khuyết tật, người đồng tính, song tính và chuyển giới bị bạo lực, xâm hại tình dục.

### c) Công an Thành phố

- Chỉ đạo Phòng nghiệp vụ, Công an quận, huyện, thành phố Thủ Đức và Công an xã, phường, thị trấn chủ động trao đổi, cung cấp các thông tin, quá trình và kết quả xử lý, giải quyết trường hợp người bị bạo lực, xâm hại tình dục tiếp nhận tại đầu vào của Mô hình với Cơ quan thường trực cùng cấp; thực hiện biện pháp bảo vệ khẩn cấp để ngăn chặn, loại trừ nguy cơ gây bạo lực, xâm hại tiếp theo và đảm bảo an toàn cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục; khẩn trương điều tra vụ việc theo quy định của pháp luật (đặc biệt quan tâm các kỹ năng điều tra phù hợp đối với vụ việc xâm hại trẻ em).

- Phối hợp với Sở Y tế và Trung tâm Pháp y Thành phố giám định cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục khi có Giấy giới thiệu của Bệnh viện Hùng Vương xin cấp y chứng hay Quyết định trung cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

- Phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố tiến hành điều tra, truy tố, giải quyết kịp thời, nghiêm minh, đúng quy định pháp luật các đối tượng có hành vi bạo lực, xâm hại tình dục. Kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi bao che, chậm trễ, cố tình kéo dài hoặc không giải quyết các trường hợp bạo lực, xâm hại tình dục (đặc biệt là các trường hợp bạo lực, xâm hại trẻ em).

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tập huấn kỹ năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ hành pháp cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục.

#### d) Sở Tư pháp

- Chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng được quy định tại Quy chế này và các quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý đối với người bị bạo lực, xâm hại tình dục.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tập huấn kỹ năng cung cấp dịch vụ hỗ trợ tư pháp cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục.

#### đ) Sở Văn hóa và Thể thao

- Hướng dẫn cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội ở cơ sở tăng cường kết nối các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp và phối hợp xử lý vụ việc người bị bạo lực gia đình được can thiệp tiếp nhận tại đầu vào của Mô hình, kiến nghị xử lý nghiêm minh, kịp thời các vụ việc bạo lực gia đình.

- Tập huấn kỹ năng và công tác phối hợp liên ngành phòng chống bạo lực gia đình cho cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội ở cơ sở.

- Chỉ đạo cơ sở kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp số liệu và báo cáo về Trung tâm CTXH (Cơ quan thường trực cấp Thành phố) kết quả hỗ trợ, can thiệp và xử lý các vụ việc người bị bạo lực gia đình khi tiếp nhận thông tin chuyên gửi từ Mô hình.

e) Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường học, cơ sở giáo dục chủ động phối hợp với Bệnh viện Hùng Vương và các đơn vị liên quan chuyển gửi các trường hợp học sinh, giáo viên, nhân viên thuộc quyền quản lý có dấu hiệu bị bạo lực, xâm hại tình dục để kịp thời can thiệp, trợ giúp; phối hợp các cơ quan liên quan, gia đình của người bị bạo lực trong việc điều tra, xử lý để bảo vệ người bị bạo lực, nhất là trẻ em và nữ chưa thành niên. Tạo điều kiện tốt nhất để người bị bạo lực sớm được hòa nhập.

g) Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, chỉ đạo Trung tâm Báo chí Thành phố và cơ quan báo, đài tăng cường thông tin, tuyên truyền về Mô hình; thiết lập các kênh thông tin để tiếp nhận, phản ánh thông tin về các hành vi bạo lực, xâm hại tình dục trên môi trường mạng và cung cấp kịp thời cho cơ quan liên quan để bảo vệ nạn nhân.

h) Ban Dân tộc Thành phố phối hợp với Bệnh viện Hùng Vương, Trung tâm CTXH và các đơn vị liên quan hỗ trợ phiên dịch và cung cấp dịch vụ cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục là người dân tộc.

i) Sở Tài chính phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố nguồn kinh phí thực hiện Mô hình theo quy định.

### **Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan**

1. Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố chỉ đạo Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tiếp nhận, giải quyết kịp thời và xử lý nghiêm các vụ án bạo lực, xâm hại tình dục (nhất là các trường hợp người bị bạo lực, xâm hại tình dục tiếp nhận tại đầu vào của Mô hình); đồng thời rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc có liên quan đến bạo lực, xâm hại tình dục theo quy định của pháp luật; quan tâm giải quyết các vụ việc ly hôn do bị bạo lực, đe dọa ảnh hưởng tới sự an toàn của người bị bạo lực.

2. Đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự Thành phố tăng cường thực hiện và chỉ đạo các Cơ quan thi hành án dân sự quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổ chức thi hành dứt điểm các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục đối với phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên, nhất là các vụ việc có điều kiện thi hành án còn tồn đọng, kéo dài.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội có liên quan căn cứ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện tốt việc giám sát thực thi pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tích cực, mạnh dạn tố giác, cung cấp thông tin kịp thời đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền khi phát hiện các trường hợp liên quan đến bạo lực, xâm hại tình dục; phối hợp thực hiện tư vấn, tham vấn, hỗ trợ người bị bạo lực, xâm hại tình dục và gia đình của họ theo quy định của pháp luật với các biện pháp phù hợp đảm bảo quyền và

lợi ích tốt nhất cho nạn nhân; theo dõi, trợ giúp người bị bạo lực, xâm hại tình dục tái hòa nhập cộng đồng; vận động xã hội hóa trợ giúp người bị bạo lực, xâm hại tình dục trong quá trình điều trị thương tích, phục hồi sức khỏe.

4. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố và Hội Bảo vệ quyền trẻ em Thành phố phối hợp vận động nguồn lực và tham gia các hoạt động tư vấn, tham vấn, trợ giúp pháp lý cho phụ nữ, trẻ em và nữ chưa thành niên bị bạo lực, xâm hại tình dục bằng các biện pháp phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục và gia đình của họ.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã**

##### **1. Ủy ban nhân dân cấp huyện:**

a) Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, tổ chức liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện có hiệu quả Quy chế này.

b) Chỉ đạo các đơn vị, cá nhân tiếp nhận thông tin, phối hợp can thiệp và cung cấp dịch vụ cho nạn nhân là người cư trú tại địa phương; cử các đơn vị, cá nhân tham gia hội chẩn ca tại Bệnh viện Hùng Vương (khi có yêu cầu).

c) Xử lý nghiêm các cơ quan, tổ chức, cá nhân che giấu, thiếu trách nhiệm trong phối hợp cung cấp các dịch vụ theo quy định pháp luật cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục theo quy định; xử lý dứt điểm các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục xảy ra tại địa bàn quản lý và địa bàn giáp ranh; tăng cường xử lý hành chính để ngăn chặn tái phạm;

d) Chủ trì thực hiện việc thanh tra, kiểm tra về công tác tiếp nhận thông tin về người bị bạo lực, xâm hại tình dục được chuyển gửi từ Mô hình và kết quả can thiệp, xử lý vụ việc của người bị bạo lực, xâm hại tình dục tại địa bàn quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về việc không kịp thời giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục xảy ra trên địa bàn.

##### **2. Ủy ban nhân dân cấp xã:**

a) Trực tiếp xác minh, giải quyết và cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bị bạo lực, xâm hại tình dục được chuyển gửi từ Mô hình đang thực tế sinh sống tại địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện

về việc không báo cáo vụ việc, chậm trễ trong phối hợp, xác minh và giải quyết các vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục xảy ra trên địa bàn.

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực đảm bảo công tác hỗ trợ, can thiệp kịp thời đối với các trường hợp người bị bạo lực, xâm hại tình dục được chuyển gửi từ Mô hình.

c) Phân công lãnh đạo phụ trách và cán bộ thường trực thực hiện Quy chế này; phối hợp chặt chẽ với Trung tâm CTXH trong việc hỗ trợ, can thiệp các trường hợp khẩn cấp; theo dõi, đánh giá và hỗ trợ người bị bạo lực, xâm hại tình dục tái hòa nhập cộng đồng.

đ) Tuyên truyền rộng rãi về nội dung hoạt động của Mô hình và các thông tin, kiến thức bảo vệ phụ nữ, trẻ em cho toàn thể nhân dân trên địa bàn.

e) Thường xuyên kiểm điểm, đánh giá trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong công tác phối hợp thực hiện Quy chế này và trong từng vụ việc. Cung cấp thông tin, báo cáo quá trình xử lý và kết quả việc giải quyết vụ việc bạo lực, xâm hại tình dục cho Cơ quan thường trực cấp huyện.

## **Chương IV**

### **KINH PHÍ VẬN HÀNH MÔ HÌNH**

#### **Điều 11. Kinh phí vận hành Mô hình**

1. Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành;
2. Nguồn huy động;
3. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn của Thành phố và đúng quy định pháp luật hiện hành./.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng